

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1576** / UBND-NC  
Về việc Thông báo địa chỉ để truy  
cập văn bản của UBND tỉnh

Đắk Lắk, ngày **13** tháng 3 năm 2014

Kính gửi:

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Ngày 11/3/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 502 /QĐ-UBND, về Danh mục văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính được rà soát năm 2013. (có các Phụ lục kèm theo).

Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 11/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh tại địa chỉ [http: www.daklak.gov.vn](http://www.daklak.gov.vn)

Thừa lệnh Chủ tịch, Văn phòng UBND tỉnh Thông báo đến các Sở, ban, ngành; các cơ quan đơn vị có liên quan được biết địa chỉ truy cập văn bản nêu trên để tiện việc khai thác, sử dụng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCTUBND tỉnh (thay b/c);
- Lãnh đạo VP, các phòng thuộc VP;
- Trung tâm TT&CB;
- Lưu: VT, NC ( H - 250 b)

**TL.CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Võ Danh Sơn**

Số: 502 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 3 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về Danh mục văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh**  
**công bố thủ tục hành chính được rà soát năm 2013**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động và ngân sách dành cho cải cách hành chính nhà nước năm 2013; Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 12/TTr-STP ngày 24 tháng 01 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được ban hành đến ngày 31/12/2013 đã qua rà soát, gồm:

1. Tổng Danh mục văn bản công bố thủ tục hành chính thuộc đối tượng rà soát năm 2013: 79 văn bản.
2. Danh mục văn bản công bố thủ tục hành chính còn hiệu lực: 64 văn bản.
3. Danh mục văn bản công bố thủ tục hành chính hết hiệu lực: 07 văn bản.
4. Danh mục văn bản công bố thủ tục hành chính bãi bỏ: 08 văn bản.
5. Danh mục văn bản công bố thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế: 48 văn bản.

( Chi tiết có danh mục kèm theo)

**Điều 2.** Trên cơ sở các Danh mục văn bản được công bố kèm theo Quyết định này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm:

1. Trong năm 2014, kịp thời tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đối với các văn bản cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc Danh mục được nêu tại khoản 5, Điều 1 Quyết định này.

2. Không niêm yết, công khai và áp dụng thực hiện các văn bản thuộc Danh mục được nêu tại các khoản 3 và 4, Điều 1, Quyết định này kể từ ngày các văn bản thuộc các Danh mục này hết hiệu lực thi hành hoặc bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Giao sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và báo cáo kết quả với UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

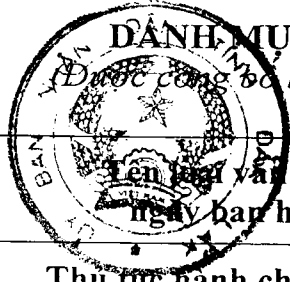
Nơi nhận: *ml*

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp (thay b/c);
- Chủ tịch, các Phó CTUBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các PC VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&CB; Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC (H- 80 b)

**CHỦ TỊCH**



*Chu*  
**Hoàng Trọng Hải**



**DANH MỤC VĂN BẢN CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HẾT HIỆU LỰC**

*Được công bố kèm theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 11/3/2014 của UBND tỉnh*

Stt	Tên văn bản; số, ký hiệu; ngày ban hành; Trích yếu	Lý do
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Đắk Lắk.</b>		
01	Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh.
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đắk Lắk.</b>		
01	Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh.
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ</b>		
01	Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ.	Được thay thế bằng Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ.
02	Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 về việc công bố bộ thủ tục hành chính được điều chỉnh, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ.	Được thay thế bằng Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ.

<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp</b>		
01	Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk.	Được bãi bỏ tại Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 31/7/2013 của UBND tỉnh.
02	Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.	Đã được bãi bỏ tại Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 31/7/2013 của UBND tỉnh.
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải</b>		
01	Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk.	Đã được thay thế bằng Quyết định 3760/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk.
<b>Tổng cộng: 07 văn bản</b>		

**DANH MỤC VĂN BẢN CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ**  
(Được công bố kèm theo Quyết định số 502../QĐ-UBND ngày 11/ 3../2014 của UBND tỉnh)

Stt	Tên loại văn bản; Số, ký hiệu; ngày ban hành; Trích yếu	Lý do
<b>Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Đắk Lắk</b>		
01	Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, phường, thị trấn.	Quyết định này được ban hành để công bố mới đối với Thủ tục công nhận Danh hiệu gia đình Văn hóa. Tuy nhiên, thủ tục này đã được sửa đổi toàn bộ tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 của UBND tỉnh.
<b>Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</b>		
01	Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, thị xã, thành phố.	Quyết định này được ban hành để công bố mới đối với 02 TTHC, đó là: Thủ tục công nhận Tổ Dân phố Văn hóa; thủ tục Công nhận làng Văn hóa. Tuy nhiên 02 thủ tục này đã được thay thế và sửa đổi toàn bộ tại Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 của UBND tỉnh. Do đó, cần công bố bãi bỏ đối với Quyết định này cho phù hợp.
<b>Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh</b>		
01	Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh Đắk Lắk.	Tất cả 05 TTHC (gồm: 1. Tiếp công dân; 2. Xử lý đơn thư; 3. Giải quyết khiếu nại lần đầu; 4. Giải quyết khiếu nại lần hai; 5. Giải quyết tố cáo) được công bố tại Quyết định này đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định 584/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của UBND tỉnh. Do đó cần bãi bỏ Quyết định này cho phù hợp.

**Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương**

01	<p>Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về việc công bố sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương được ban hành kèm theo Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND tỉnh.</p>	<p>Quyết định này chỉ gồm 03 thủ tục, trong đó có 02 thủ tục đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh, gồm: thủ tục “Đăng ký sử dụng vật liệu nổ công nghiệp”; thủ tục “thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp”. Thủ tục còn lại là “Thẩm định phương án nổ mìn khi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp gần các công trình quan trọng Quốc gia, khu dân cư” được công bố không phù hợp với Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công thương ngày 11/8/2009 hướng dẫn thi hành Nghị định số 39/2009/NĐ-CP, vì các văn bản này không có quy định về thủ tục “Thẩm định phương án nổ mìn khi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp gần các công trình quan trọng Quốc gia, khu dân cư”, chỉ quy định về thủ tục “Cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn”.</p>
02	<p>Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 19/3/2010 về việc công bố sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p>Quyết định này được ban hành để công bố mới đối với 03 thủ tục đó là: thủ tục “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu”; thủ tục “Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cửa hàng bán khí hóa lỏng (LPG)” và thủ tục “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí hóa lỏng (LPG) vào chai”. Tuy nhiên, 03 thủ tục này đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 và Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh. Do vậy, cần công bố bãi bỏ đối với Quyết định này cho phù hợp.</p>
03	<p>Quyết định số 428/QĐ-UBND 23/2/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.</p>	<p>Quyết định này có tất cả 06 thủ tục, trong đó công bố mới đối với 04 TTHC và sửa đổi bổ sung 02 TTHC. Tuy nhiên, cả 06 TTHC này đều đã được công bố hết hiệu lực hoặc được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ tại Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh. Do đó, cần công bố bãi bỏ đối với Quyết định này cho phù hợp.</p>

<b>Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng</b>		
01	Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 về việc thay thế một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.	Văn bản này có 04 thủ tục hành chính, gồm: 1. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2. 2. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 (trường hợp nâng từ hạng 2 lên hạng 1). 3. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 (trường hợp cấp thẳng không qua hạng 2). 4. Cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng.  Cả 04 TTHC này đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ tại Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của UBND tỉnh. Do đó cần bãi bỏ cho phù hợp.
<b>Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính</b>		
01	Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.	Quyết định này có 40 TTHC. Tuy nhiên tất cả 40 thủ tục này đều đã hết hiệu lực hoặc cần bãi bỏ như được nêu trên (vì đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 của UBND tỉnh). Do đó cần bãi bỏ Quyết định này cho phù hợp.
<b>Tổng cộng: 08 văn bản</b>		



**DANH MỤC VĂN BẢN CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÒN HIỆU LỰC**  
(Được công bố kèm theo Quyết định số 50.2/QĐ-UBND ngày 11.1.2014 của UBND tỉnh)

Stt	Tên loại văn bản; Số, ký hiệu; ngày ban hành; Trích yếu	Các thủ tục hành chính đã hết hiệu lực hoặc cần bãi bỏ	Ghi chú
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Đắk Lắk</b>			
01	Quyết định số 1821b/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại xã, phường, thị trấn (cấp xã) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	<p><b>Tại Quyết định này, các thủ tục sau đã hết hiệu lực, gồm:</b></p> <p><b>1. Lĩnh vực Tư pháp:</b> Toàn bộ 60 thủ tục thuộc lĩnh vực Tư pháp tại Quyết định này đã hết hiệu lực.</p> <p><b>Lý do:</b> Đã được hủy bỏ tại Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 17/8/2010 của UBND tỉnh; được thay thế và bãi bỏ tại Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p><b>2. Lĩnh vực Tài chính:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục “Lập quyết toán ngân sách nhà nước”.</li> <li>- Thủ tục “Lập dự toán ngân sách nhà nước”.</li> </ul> <p><b>3. Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục “Xác nhận diện khó khăn, đói nghèo, tai nạn, bệnh tật”.</li> <li>- Thủ tục “Xác nhận đối tượng thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh”.</li> <li>- Thủ tục “Xác nhận hồ sơ cho sinh viên để học nâng cao”.</li> <li>- Thủ tục “Xác nhận đơn xin việc”.</li> <li>- Thủ tục “Xác nhận đơn đề nghị chứng nhận thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, lão thành cách mạng, người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày”.</li> <li>- Thủ tục “Xác nhận đơn đề nghị hưởng chế độ hưu trí”.</li> <li>- Thủ tục “Xác nhận hồ sơ chế độ tử tuất đối với người nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu bị chết”.</li> </ul>	Ban hành văn bản mới thay thế

		Lý do: đã bị hủy bỏ tại Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 17/8/2010 của UBND tỉnh.	
02	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực văn hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, phường, thị trấn.		
03	Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, phường, thị trấn.		Sửa đổi, bổ sung
04	Quyết định số 1906/QĐ-UBND 13/9/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.		
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</b>			
01	Quyết định số 1820b/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	<p>Tại Quyết định này, các thủ tục sau đã hết hiệu lực, gồm:</p> <p><b>1. Lĩnh vực Tư pháp:</b> Toàn bộ 08 TTHC đã hết hiệu lực.</p> <p><b>Lý do:</b> đã bị hủy bỏ tại Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 17/8/2010 của UBND tỉnh và bị thay thế bằng Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND tỉnh.</p> <p><b>2. Lĩnh vực Tài chính:</b></p> <p>- Thủ tục "Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi</p>	Ban hành văn bản mới thay thế

		<p>nhà nước thu hồi đất”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục “Trích kinh phí phục vụ công tác xử phạt hành chính”.</li> <li>- Thủ tục “Phân bổ dự toán ngân sách nhà nước”.</li> <li>- Thủ tục “Giải quyết kinh phí đào tạo cho cán bộ, công chức”.</li> </ul> <p><b>Lý do:</b> đã bị hủy bỏ tại Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 17/8/2010 của UBND tỉnh.</p>	
02	<p>Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực văn hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, thị xã, thành phố.</p>		
03	<p>Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực văn hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, thị xã, thành phố.</p>		
04	<p>Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 08/08/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p>		<p>Ban hành văn bản mới thay thế</p>

05	<p>Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, thị xã, thành phố.</p>		
06	<p>Quyết định số 2950/QĐ-13/12/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.</p>		
07	<p>Quyết định số 1905/QĐ-UBND 13/9/2013 về việc công bố thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p>		

**Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã và một số sở, ngành cấp tỉnh**

01	Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.	<p><b>I. Tại Quyết định này, các thủ tục sau đã hết hiệu lực, gồm:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Tạm ngừng thực hiện dự án đầu tư.</li><li>2. Giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư</li></ol> <p><b>Lý do:</b> Đã được hủy bỏ tại Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của UBND tỉnh.</p> <ol style="list-style-type: none"><li>3. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cát, đá, vật liệu xây dựng thông thường).</li><li>4. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (cát, đá, vật liệu xây dựng thông thường).</li><li>5. Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản (cát, đá, vật liệu xây dựng).</li><li>6. Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cát, đá, vật liệu xây dựng thông thường).</li><li>7. Tiếp tục thực hiện quyền khai thác khoáng sản (cát, đá, vật liệu xây dựng thông thường).</li></ol> <p><b>Lý do:</b> Đã được hủy bỏ tại Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 17/8/2010 của UBND tỉnh.</p> <ol style="list-style-type: none"><li>8. Bổ sung, điều chỉnh hộ tịch.</li><li>9. Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ gốc.</li></ol> <p><b>Lý do:</b> Đã được hủy bỏ tại Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p><b>II. Tại Quyết định này, bãi bỏ các TTHC sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Các thủ tục thuộc lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo của <b>Sở Giáo dục</b>, gồm: Thủ tục tiếp dân; Thủ tục xử lý đơn thư; Thủ tục giải quyết khiếu nại lần 1; Thủ tục giải</li></ol>	Sửa đổi, bổ sung
----	--	--	------------------

		<p>quyết khiếu nại lần 2, Thủ tục giải quyết tố cáo và phòng, chống tham nhũng:</p> <p><b>Lý do:</b> Các thủ tục này đã được công bố tại Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk, nhưng lại được công bố bổ sung (không phải sửa đổi, bổ sung nội dung của TTHC) tại Quyết định số 3757/QĐ-UBND là không phù hợp.</p> <p><b>2. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ định giá bất động sản, môi giới bất động sản (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng).</b></p> <p><b>Lý do:</b> Các thủ tục này đã được công bố mới tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.</p>	
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Dân tộc tỉnh</b>			
01	<p>Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban dân tộc tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p><b>Tại Quyết định này, các thủ tục sau đã hết hiệu lực, gồm:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục “Xử lý đơn thư” – thủ tục số 2.</li> <li>2. Thủ tục “Thi đua khen thưởng” – thủ tục số 5.</li> <li>3. Thủ tục “Xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp phát triển các dân tộc”” – thủ tục số 6.</li> </ol> <p><b>Lý do:</b> đã được công bố hủy bỏ tại Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về việc hủy bỏ một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Dân tộc được ban hành kèm theo Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	<p>Ban hành văn bản mới thay thế</p>

Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh		
01	<p>Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p><b>Tại Quyết định này, bãi bỏ các TTHC sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục “Đăng ký dự án đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước không cấp Giấy chứng nhận đầu tư” – thủ tục số 1, mục III.</li> <li>2. Thủ tục “Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh” – thủ tục số 2, mục III.</li> <li>3. Thủ tục “Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh” – thủ tục số 3, mục III.</li> <li>4. Thủ tục “Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp” – thủ tục số 4, mục III.</li> <li>5. Thủ tục “Điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh” – thủ tục số 6, mục III.</li> <li>6. Thủ tục “Thẩm tra cấp chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện” – thủ tục số 7, mục III.</li> <li>7. Thủ tục “Chứng nhận đầu tư dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện phải thực hiện lĩnh vực thẩm tra có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên” – thủ tục số 8, mục III.</li> <li>8. Thủ tục “Điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc diện đăng ký điều chỉnh” – thủ tục số 9, mục III.</li> <li>9. Thủ tục “Điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm tra điều chỉnh” – thủ tục số 10, mục III.</li> <li>10. Thủ tục “thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ” – thủ tục số 11, mục III.</li> </ol> <p><b>Lý do:</b> Đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của UBND tỉnh.</p>

Ban hành  
văn bản thay  
thế

02	<p>Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 26/6/2010 về việc công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p><b>Tại Quyết định này, bãi bỏ thủ tục sau:</b>          Thủ tục “Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong khu công nghiệp” – thủ tục số 1, Mục II.  <b>Lý do:</b> Đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của UBND tỉnh.</p>	<p>Ban hành văn bản mới thay thế</p>
03	<p>Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 10/08/2011 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p><b>Tại Quyết định này, bãi bỏ thủ tục sau:</b>          Thủ tục “Cấp giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư vào khu công nghiệp” – thủ tục số 1, Mục II.  <b>Lý do:</b> Đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của UBND tỉnh.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>
04	<p>Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.</p>		<p>Sửa đổi, bổ sung</p>



<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương</b>			
01	<p>Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 1/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p><b>I. Tại Quyết định này, các thủ tục sau đã hết hiệu lực, gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục “Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực”.</li> <li><b>Lý do:</b> Đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 về việc bãi bỏ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.</li> <li>- Thủ tục “Xác nhận khai báo hóa chất nguy hiểm” - khoản 21, mục IV, phần II; thủ tục “Cấp giấy phép buôn bán thuốc lá theo danh sách 2”.</li> <li><b>Lý do:</b> Đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 3391/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh.</li> <li>- Thủ tục “Cấp giấy phép sản xuất rượu dưới 3 triệu lít/năm”.</li> <li><b>Lý do:</b> đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh.</li> <li>- <b>02</b> thủ tục trong lĩnh vực công nghiệp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thẩm định hồ sơ đề nghị UBND tỉnh cấp giấy xác nhận doanh nghiệp đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô.</li> <li>+ Ý kiến về hồ sơ thiết kế cơ sở các công trình công nghiệp.</li> </ul> </li> <li><b>Lý do:</b> đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 31/1/2013 của UBND tỉnh.</li> <li>- Thủ tục “Cấp giấy phép kinh doanh bán buôn rượu”</li> <li><b>Lý do:</b> đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh.</li> <li>- Thủ tục “Thỏa thuận địa điểm mở mới cửa hàng kinh doanh xăng dầu”</li> <li><b>Lý do:</b> Đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của UBND tỉnh.</li> </ul> <p><b>II. Tại Quyết định này, bãi bỏ các TTHC sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục “Thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn nạp khí hóa lỏng vào chai”.</li> <li>2. Thủ tục “cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí đốt hóa lỏng”.</li> <li>3. Thủ tục “cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu”.</li> </ol>	Ban hành văn bản mới thay thế

	<p><b>Lý do:</b> đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 19/3/2010 của UBND tỉnh.</p> <p>4. Thủ tục “Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá”.</p> <p><b>Lý do:</b> đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ tại Quyết định số 3390/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh.</p> <p>5. Thủ tục “Quy trình, thủ tục tiếp nhận, thụ lý giải quyết đơn yêu cầu xử lý các vụ việc vi phạm hành chính về Sở hữu trí tuệ của cơ quan quản lý thị trường” – thủ tục số 54, mục X, chương II.</p> <p><b>Lý do:</b> thủ tục này đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh.</p> <p>8. Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài.</p> <p>9. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài trong các trường hợp: a) thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của thương nhân nước ngoài từ một nước sang một nước khác, b) thay đổi hoạt động của thương nhân nước ngoài.</p> <p>10. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài trong trường hợp thay đổi địa điểm trụ sở từ tỉnh này đến tỉnh khác.</p> <p>11. Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài.</p> <p>12. Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài trong trường hợp: a) thay đổi người đứng đầu của Văn phòng địa diện, Chi nhánh, b) thay đổi địa điểm trụ sở của thương nhân nước ngoài trong phạm vi nước nơi thương nhân thành lập hoặc đăng ký kinh doanh. c)...</p> <p>13. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện trong trường hợp: a) Theo đề nghị của thương nhân nước ngoài và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; b) khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh, c)...</p> <p>14. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài trong trường hợp: giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy.</p> <p><b>Lý do:</b> đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh.</p> <p>15. Thủ tục “cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp” và thủ tục “cấp lại Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp (trong trường hợp Giấy đăng ký bị mất)”</p>	
--	---	--

		<p><b>Lý do:</b> đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung của thủ tục tại Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 của UBND tỉnh.</p> <p>16. Các thủ tục “Đăng ký sử dụng vật liệu nổ công nghiệp”;</p> <p>17. Thủ tục “Thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp”;</p> <p>18. Thủ tục “Thẩm định phương án nổ mìn khi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp gần các công trình quan trọng Quốc gia, khu dân cư”.</p> <p><b>Lý do:</b> Đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND tỉnh.</p>	
02	<p>Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 08/10/2009 về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.</p>		<p>Ban hành văn bản mới thay thế</p>
03	<p>Quyết định số 3390/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.</p>	<p><b>Tại Quyết định này, bãi bỏ các TTHC sau:</b></p> <p>1. Cấp giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá”</p> <p>2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá”</p> <p><b>Lý do:</b> Vì đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế</p>

04	Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.	Hai (02) thủ tục được công bố tại Quyết định này đã được sửa đổi về mẫu đơn và căn cứ pháp lý tại Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 21/10/2013 của UBND tỉnh.	
05	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.		
06	Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk.	<p><b>Tại Quyết định này, các TTHC sau đã hết hiệu lực, gồm:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục “cấp giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu – thủ tục số 6, mục II, phần A. <b>Lý do:</b> được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh.</li> <li>2. Thủ tục “Cấp giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá” – thủ tục số 1, mục I, phần B.</li> <li>3. Thủ tục “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá” – thủ tục số 3, mục I, phần B. <b>Lý do:</b> được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh.</li> </ol>	Sửa đổi, bổ sung

07	<p>Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk.</p>		<p>Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế</p>
08	<p>Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.</p>		<p>Sửa đổi, bổ sung</p>
09	<p>Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 21/10/2013 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.</p>		

10	Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.		
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo</b>			
01	Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.	<p><b>Tại Quyết định này, bãi bỏ các thủ tục sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thành lập trường trung học phổ thông – thủ tục số 1, mục I.</li> <li>2. Cấp giấy phép thành lập cơ sở tin học ngoại ngữ - thủ tục số 5, mục I.</li> <li>3. Cấp giấy phép dạy thêm trung học phổ thông - thủ tục số 6, mục I.</li> <li>4. Công nhận trường Trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia - thủ tục số 7, mục I.</li> <li>5. Công nhận trường trung học phổ thông cơ sở đạt chuẩn Quốc gia - thủ tục số 11, mục I.</li> </ol> <p><b>Lý do:</b> Các TTHC này đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo.</p>	Ban hành văn bản mới thay thế

02	Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo.		Sửa đổi bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>			
01	Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk.	<p><b>I. Tại Quyết định này, các thủ tục sau đã hết hiệu lực, gồm:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh của công ty nhà nước.</li> <li>2. Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng đại diện của công ty nhà nước.</li> <li>3. Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh công ty nhà nước.</li> <li>4. Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện công ty nhà nước.</li> <li>5. Thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty nhà nước.</li> <li>6. Thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty nhà nước.</li> <li>7. Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty nhà nước.</li> <li>8. Thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ của công ty nhà nước.</li> <li>9. Thủ tục bán doanh nghiệp tư nhân.</li> <li>10. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với chi nhánh và văn phòng đại diện trong trường hợp mất Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động.</li> <li>11. Đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư.</li> <li>12. Chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.</li> <li>13. Đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư (áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài)</li> </ol>	Ban hành văn bản mới thay thế

	<p>14. Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai.</p> <p><b>Lý do:</b> Đã được bãi bỏ tại Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của UBND tỉnh.</p> <p><b>II. Tại Quyết định này, bãi bỏ các thủ tục sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân.</li> <li>2. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH có hai thành viên trở lên.</li> <li>3. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty Cổ phần.</li> <li>4. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Một thành viên chủ sở hữu là tổ chức.</li> <li>5. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Một thành viên chủ sở hữu là cá nhân.</li> <li>6. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty Hợp danh.</li> <li>7. Thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ công ty, tỷ lệ góp vốn.</li> <li>8. Thủ tục đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.</li> <li>9. Thủ tục đăng ký thay đổi thành viên Công ty TNHH hai thành viên trở lên do thừa kế.</li> <li>10. Thủ tục đăng ký thay đổi thành viên Công ty TNHH hai thành viên trở lên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại khoản 3, Điều 39 Luật Doanh nghiệp.</li> <li>11. Thủ tục đăng ký thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên do chuyển nhượng phần vốn góp.</li> <li>12. Thủ tục đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp.</li> <li>13. Thủ tục đăng ký thay đổi người địa diện theo pháp luật của Công ty TNHH, Công ty Cổ phần.</li> <li>14. Thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp đến nơi khác trong phạm vi tỉnh.</li> <li>15. Thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp ngoài tỉnh.</li> <li>16. Thủ tục đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần trong trường hợp quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Doanh nghiệp (cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần phổ thông cho cổ đông sáng lập khác hoặc chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).</li> </ol>	
--	---	--



	<p>17. Thủ tục đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần trong trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 84 của Luật Doanh nghiệp (trường hợp có cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua).</p> <p>18. Thủ tục đăng ký thay đổi thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh</p> <p>19. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp chuyển đổi công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên trở lên.</p> <p>20. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp công ty cổ phần chuyển thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên.</p> <p>21. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần, công ty TNHH 2 thành viên trở lên thành công ty TNHH một thành viên.</p> <p>22. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH hai thành viên.</p> <p>23. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần.</p> <p>24. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp sáp nhập một hoặc một số công ty TNHH một thành viên vào một công ty TNHH một thành viên khác.</p> <p>25. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp sáp nhập một hoặc một số công ty TNHH hai thành viên trở lên vào một công ty TNHH hai thành viên trở lên khác.</p> <p>26. Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh.</p> <p>27. Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng đại diện.</p> <p>28. Thủ tục thông báo lập địa điểm kinh doanh.</p> <p>29. Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>30. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với chi nhánh và văn phòng đại diện trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động bị mất, rách, nát, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.</p> <p>31. Thủ tục đăng ký chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của doanh nghiệp.</p> <p>32. Thủ tục đăng ký giải thể chi nhánh doanh nghiệp.</p> <p>33. Thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp.</p> <p>34. Thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>35. Cấp giấy chứng nhận đầu tư Dự án đầu tư trong nước dưới 300 tỷ đồng</p>	
--	--	--

	<p>không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>36. Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án có vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>37. Cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án có vốn đầu tư nước ngoài dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>38. Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng, thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>39. Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên, thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>40. Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>41. Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.</p> <p>42. Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.</p> <p>43. Cấp chứng nhận đầu tư trường hợp nhà đầu tư nước ngoài sáp nhập/mua lại doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>44. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>45. Điều chỉnh nội dung chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>46. Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư.</p> <p>47. Thẩm định kế hoạch đấu thầu</p> <p>48. Thẩm định điều chỉnh kế hoạch đấu thầu</p> <p>49. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu.</p> <p>50. Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh hồ sơ mời thầu.</p> <p>51. Thẩm định kết quả đấu thầu.</p> <p>52. Thẩm định điều chỉnh kết quả đấu thầu.</p> <p>53. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình.</p>	
--	---	--

		<p>54. Thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình.  55. Thẩm định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.  56. Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.  57. Thủ tục tiếp công dân.  58. Thủ tục xử lý đơn thư.  59. Thủ tục giải quyết khiếu nại.  60. Thủ tục giải quyết tố cáo.</p> <p><b>Lý do:</b> đã được sửa đổi và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của UBND tỉnh.</p>	
02	<p>Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 về việc công bố bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>		<p>Ban hành văn bản mới thay thế</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ</b>			
01	<p>Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk.</p>		<p>Ban hành văn bản mới thay thế</p>

<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ</b>		
01	Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ.	
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ</b>		
01	Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ.	<p><b>I. Tại Quyết định này, các thủ tục sau đã hết hiệu lực, gồm:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục “Khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh” - thủ tục số 6, mục I, phần II.</li> <li>2. Thủ tục “Đề nghị khen thưởng thành tích kháng chiến” - thủ tục số 7, mục I, phần II.</li> </ol> <p><b>Lý do:</b> Đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 của UBND tỉnh</p> <p><b>II. Tại Quyết định này, bãi bỏ các thủ tục sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục “Khen thưởng đột xuất thuộc thẩm quyền của tỉnh” - thủ tục số 1.</li> <li>2. Thủ tục “Khen thưởng thường xuyên thuộc thẩm quyền của tỉnh” - thủ tục số 2.</li> <li>3. Thủ tục “Đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng” - thủ tục số 3.</li> <li>4. Thủ tục “Xác nhận thành tích cho các tập thể và cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị trình ngành dọc cấp trên khen thưởng hoặc Hiệp y khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh” – thủ tục số 4.</li> <li>5. Thủ tục “đề nghị Nhà nước khen thưởng cho cá nhân có quá trình cống hiến</li> </ol>

Ban hành  
văn bản mới  
thay thế

		lâu dài” – thủ tục số 5 6. Thủ tục “Đề nghị cấp, đổi hiện vật khen thưởng”- thủ tục số 8. <u>Lý do:</u> Đã được sửa đổi và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 của UBND tỉnh.	
02	Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ.		Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh</b>			
01	Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk.	<b>Tại Quyết định này, các thủ tục sau đã hết hiệu lực, gồm:</b> - Toàn bộ 41 thủ tục thuộc lĩnh vực Đường bộ. - Toàn bộ 10 thủ tục thuộc lĩnh vực Thủy nội địa. <u>Lý do:</u> Đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của UBND tỉnh.	Ban hành văn bản mới thay thế

02	Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk.		Ban hành văn bản mới thay thế
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>			
01	Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	<p><b>I. Tại Quyết định này, thủ tục sau đã hết hiệu lực:</b> Thủ tục “Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y” – thủ tục số 2, mục III.</p> <p><b>Lý do:</b> Đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn.</p> <p><b>II. Tại Quyết định này, bãi bỏ thủ tục “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính” – thủ tục số 2, mục I.</b></p> <p><b>Lý do:</b> TTHC này được công bố trên cơ sở Điều 20 Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN. Tuy nhiên, Điều 20 đã được Bãi bỏ tại khoản 7, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP.</p>	Ban hành văn bản mới thay thế

02	Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn.	<p><b>Tại Quyết định này, bãi bỏ thủ tục “cấp chứng nhận cơ sở đảm bảo điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản” – khoản 1, mục I, phần II.</b></p> <p><b>Lý do:</b> Nội dung của thủ tục này được công bố trên cơ sở Điều 4, Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT, ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ. Tuy nhiên, hiện nay, Điều 4, Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT đã được bãi bỏ tại Thông tư số 50/2012/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bãi bỏ Quyết định 85/2008/QĐ-BNN ngày 06/8/2008, bãi bỏ một phần Thông tư 50/2010/TT-BNNPTNT ngày 30/8/2010, Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011.</p>	
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính</b>			
01	Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thay thế; bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.		Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội</b>			
01	Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố thủ tục hành	<p><b>I. Tại Quyết định này, các thủ tục sau đã hết hiệu lực, gồm:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục công nhận, công nhận lại, thôi công nhận, từ chức Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề (TCN) và Trung tâm dạy nghề (TTDN) tư thục.</li> <li>2. Thủ tục cấp mã số lao động.</li> </ol>	Ban hành văn bản mới thay thế

<p>chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh &amp; Xã hội tỉnh Đắk Lắk.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>3. Thủ tục Khai trình sử dụng lao động, tăng giảm lao động trong doanh nghiệp.</li> <li>4. Thủ tục đăng ký thỏa ước lao động tập thể.</li> <li>5. Thủ tục đăng ký, bổ sung hệ thống thang lương, bảng lương trong các Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.</li> <li>6. Thủ tục đăng ký đơn giá tiền lương của các công ty nhà nước hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước.</li> <li>7. Thủ tục đăng ký đơn giá tiền lương, quỹ lương Hội đồng thành viên hoặc chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, giám đốc, kiểm soát viên của Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.</li> <li>8. Thủ tục cấp thêm giấy phép lao động (hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ cho người nước ngoài đã được cấp GPLĐ đang còn hiệu lực có nhu cầu giao kết thêm HDLĐ với người sử dụng lao động khác).</li> <li>9. Thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm cho doanh nghiệp.</li> <li>10. Thủ tục xin phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập.</li> <li>11. Thủ tục xin phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập.</li> <li>12. Thủ tục xin phép giải thể, thay đổi tên cơ sở, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động cơ sở Bảo trợ xã hội.</li> <li>13. Thủ tục Hợp đồng dạy nghề.</li> <li>14. Thủ tục thiết lập hồ sơ và hỗ trợ trẻ em bị xâm hại tình dục theo Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>15. Thủ tục thiết lập hồ sơ và chi hỗ trợ cho nạn nhân là phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về theo Quyết định số 130/2004/QĐ-TTg ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ.</li> </ol> <p><b>Lý do:</b> Đã được bãi bỏ tại Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của UBND tỉnh.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>16. Thủ tục Sao hồ sơ (bao gồm tất cả các hồ sơ ưu đãi người có công) – Thủ tục số 17, mục III.</li> <li>17. Thủ tục Giải quyết trợ cấp một lần cho người tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương, Huy chương – Thủ tục số 20, mục III.</li> <li>18. Giải quyết chế độ bảo hiểm y tế cho Cựu chiến binh - Thủ tục số 22, mục III.</li> </ol> <p><b>Lý do:</b> Đã được hủy bỏ tại Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 17/8/2010 của UBND tỉnh.</p>	
---	---	--



		<p><b>II. Tại Quyết định này, bãi bỏ các thủ tục sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đăng ký hoạt động dạy nghề.</li> <li>2. Đăng ký bổ sung hoạt động dạy nghề.</li> <li>3. Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài.</li> <li>4. Gia hạn Giấy phép lao động cho người nước ngoài.</li> <li>5. Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài.</li> <li>6. Giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp.</li> </ol> <p><b>Lý do:</b> Đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của UBND tỉnh.</p>	
02	<p>Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk.</p>		<p>Ban hành văn bản mới thay thế</p>
03	<p>Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 21/5/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.</p>		<p>Sửa đổi, bổ sung</p>

<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường</b>			
01	Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.	Tại Quyết định này, có tất cả là 95 TTHC. Tuy nhiên, có 80 TTHC đã hết hiệu lực vì đã được bãi bỏ hoặc sửa đổi toàn bộ (thay thế) tại các Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 23/3/2013 và Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND tỉnh.	Ban hành văn bản mới thay thế
02	Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.		Sửa đổi, bổ sung
03	Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 23/5/2013 về việc bỏ thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.		Sửa đổi, bổ sung

<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông</b>			
01	<p>Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p><b>I. Tại Quyết định này, thủ tục sau đã hết hiệu lực:</b></p> <p>1. Hướng dẫn kê khai hồ sơ cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện – thủ tục số 3, mục II.</p> <p><u>Lý do:</u> đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 về việc công bố bộ thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông.</p> <p><b>II. Tại Quyết định này, bãi bỏ các thủ tục sau:</b></p> <p>1. Cấp giấy phép thu chương trình truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (TVRO) – thủ tục số 4, mục II.</p> <p>2. Thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng thường trú cơ quan báo chí – thủ tục số 9, mục IV.</p> <p><u>Lý do:</u> các TTHC này đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định 1639/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông.</p> <p>3. Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh – thủ tục số 1, mục IV.</p> <p>4. Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm – thủ tục số 2, mục IV.</p> <p>5. Cấp giấy phép hoạt động in vàng mã – thủ tục số 3, mục IV.</p> <p>6. Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm – thủ tục số 4, mục IV.</p> <p>7. Cấp giấy chứng nhận đăng ký thiết bị ngành in cho máy photocopy màu – thủ tục số 5, mục IV.</p> <p><u>Lý do:</u> các TTHC này đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 3393/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 về việc công bố TTHC mới ban hành; TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông.</p>	Ban hành văn bản mới thay thế

02	Quyết định số 3393/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 về việc công bố TTHC mới ban hành; TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở thông tin và Truyền thông.		
03	Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông.		Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp</b>			
01	Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 31/7/2013 công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.		

<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh</b>		
01	Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh.	
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Thi hành án dân sự tỉnh</b>		
01	Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.	<p><b>Tại Quyết định này, bãi bỏ 13 thủ tục sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Buộc người phải thi hành án không được thực hiện công việc – thủ tục số 1.</li> <li>2. Cường chế buộc phải làm công việc – thủ tục số 2.</li> <li>3. Cường chế giao nhà – thủ tục số 3.</li> <li>4. Cường chế giao quyền sử dụng đất – thủ tục số 4.</li> <li>5. Cường chế giao vật tài sản – thủ tục số 5.</li> <li>6. Đình chỉ thi hành án – thủ tục số 6.</li> <li>7. Hoãn thi hành án – thủ tục số 7</li> <li>8. Khiếu nại, tố cáo về thi hành án – thủ tục số 8.</li> <li>9. Khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án – thủ tục số 9.</li> <li>10. Miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự – thủ tục số 10.</li> <li>11. Miễn, giảm phí thi hành án dân sự – thủ tục số 11.</li> <li>12. Yêu cầu thi hành án – thủ tục số 13.</li> <li>13. Yêu cầu xác nhận kết quả thi hành án – thủ tục số 14.</li> </ol>

Ban hành  
văn bản thay  
thế

		<b>Lý do:</b> Các TTHC này đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 về việc công bố bộ thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.	
02	Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.		Ban hành văn bản mới thay thế
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>			
01	Quyết định số 2194/QĐ-UBND 19/8/2009 về việc công bố TTHC lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	<p><b>I. Tại Quyết định này, Các thủ tục sau đã hết hiệu lực, gồm:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động Taekwondo.</li> <li>2. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động môn Vovinam.</li> <li>3. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động môn Võ Cổ truyền.</li> <li>4. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động môn thể dục thể hình.</li> <li>5. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động môn thể dục thẩm mỹ.</li> <li>6. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động môn bơi lội.</li> </ol> <p><b>Lý do:</b> đã được bãi bỏ tại Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 07/6/2012 của UBND tỉnh.</p> <p><b>II. Tại Quyết định này, bãi bỏ các thủ tục sau (33 thủ tục):</b></p> <p><b>I. Lĩnh vực văn hóa:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (TTHC số 1).</li> <li>2. Giấy phép thể hiện phần mỹ thuật tượng đài và tranh hoành tráng cấp địa phương (TTHC số 8).</li> <li>3. Giấy phép công diễn cho các tổ chức thuộc địa phương, khu vực (TTHC số 12).</li> </ol>	Ban hành văn bản mới thay thế

	<p>4. Giấy phép công diễn cho đơn vị nghệ thuật thành lập và hoạt động theo nghị định 73/1999/NĐ-CP (TTHC số 13).</p> <p>5. Đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp đối với các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam (TTHC số 15).</p> <p>6. Giấy phép phát hành băng đĩa ca nhạc, sân khấu cho các đơn vị thuộc địa phương (TTHC số 16).</p> <p>7. Văn bản phê duyệt nội dung trước khi nhập khẩu cho các doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhập khẩu băng đĩa ca nhạc, sân khấu (TTHC số 17).</p> <p>8. Cấp giấy phép tổ chức thi Người đẹp tại địa phương (TTHC số 18).</p> <p>9. Giấy phép cho tổ chức, cá nhân trình diễn thời trang (TTHC số 19).</p> <p>10. Giấy phép kinh doanh Karaoke (TTHC số 20).</p> <p>11. Giấy phép kinh doanh vũ trường (TTHC số 21).</p> <p>12. Giấy phép tổ chức lễ hội (TTHC số 22).</p> <p>13. Cấp giấy phép nhập khẩu văn hoá phẩm của tổ chức, cá nhân ở địa phương (TTHC số 39).</p> <p>14. Cấp giấy phép cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (TTHC số 41).</p> <p>15. Cấp giấy phép cho đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật thuộc địa phương mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (TTHC số 42).</p> <p><b>II. Lĩnh vực Du lịch:</b></p> <p>16. Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (TTHC số 1).</p> <p>17. Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (TTHC số 2).</p> <p>18. Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (TTHC số 3).</p> <p>19. Đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch (TTHC số 4).</p> <p>20. Thẩm định cơ sở lưu trú du lịch: <i>hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch (TTHC số 6).</i></p> <p>21. Thẩm định lại cơ sở lưu trú du lịch: <i>hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch (TTHC số 7).</i></p> <p>22. Thẩm định cơ sở lưu trú du lịch: <i>hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác (TTHC số 8).</i></p>	
--	--	--

	<p>23. Thẩm định lại cơ sở lưu trú du lịch: hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác (TTHC số 9).</p> <p>24. Thẩm định hồ sơ xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 3 sao, 4 sao, 5 sao cho khách sạn, làng du lịch và hạng cao cấp chi biệt thự du lịch, căn hộ du lịch (TTHC số 10).</p> <p>25. Thẩm định hồ sơ tái xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 3 sao, 4 sao, 5 sao cho khách sạn, làng du lịch và hạng cao cấp chi biệt thự du lịch, căn hộ du lịch (TTHC số 11).</p> <p>26. Thẩm định hồ sơ đề nghị Tổng cục Du lịch cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế (TTHC số 12).</p> <p>12. Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Đắk Lắk (TTHC số 13).</p> <p>27. Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Đắk Lắk trong trường hợp: a) Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp du lịch nước ngoài từ một nước sang một nước khác; b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; c) Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp du lịch nước ngoài (TTHC số 14).</p> <p>28. Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Đắk Lắk trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy (TTHC số 15)</p> <p>29. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Đắk Lắk (TTHC số 16).</p> <p>30. Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Đắk Lắk (TTHC số 17).</p> <p>32. Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống du lịch (TTHC số 19).</p> <p>32. Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm du lịch (TTHC số 20).</p> <p>33. Cấp lại biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm du lịch</p>	
--	---	--



		(TTHC số 21). <b>Lý do:</b> đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh.	
02	Quyết định số 3211/QĐ-UBND 15/12/2011 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	<p><b>Tại Quyết định này, bãi bỏ các thủ tục hành chính sau (11 thủ tục):</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục cấp giấy phép công diễn cho đơn vị nghệ thuật thành lập và hoạt động theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP - TTHC số 5 – mục II.</li> <li>2. Thủ tục Cấp phép cho đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật thuộc địa phương mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp - TTHC số 4, mục II;</li> <li>3. Thủ tục cấp giấy phép cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp - TTHC số 3, mục II;</li> <li>4. Thủ tục phê duyệt nội dung băng, đĩa ca nhạc, sân khấu hoặc sản phẩm nghe nhìn thuộc các thể loại khác (ghi trên mọi chất liệu) không phải là tác phẩm điện ảnh cho các doanh nghiệp nhập khẩu - TTHC số 9, mục II;</li> <li>5. Thủ tục cấp phép tổ chức cuộc thi Người đẹp tại địa phương - TTHC số 10, mục II;</li> <li>6. Thủ tục Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân trình diễn thời trang – thủ tục số 12, mục II.</li> </ol> <p><b>Lý do:</b> Đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của UBND tỉnh.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>7. Thủ tục đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp đối với các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp tại điểm đăng ký hoạt động - TTHC số 07, mục II.</li> <li>8. Thủ tục cấp phép phát hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu cho các đơn vị thuộc địa phương - TTHC số 8, mục II;</li> <li>9. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm của cá nhân, tổ chức ở địa phương - TTHC số 11, mục II.</li> <li>10. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường - TTHC số 14, mục II;</li> <li>11. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh Karaoke - TTHC số 15, mục II.</li> </ol> <p><b>Lý do:</b> đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 của UBND tỉnh.</p>	Sửa đổi, bổ sung

03	Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.		Sửa đổi, bổ sung
04	Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 07/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính bãi bỏ, thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		Sửa đổi, bổ sung
05	Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.		Sửa đổi, bổ sung

06	Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.		Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng</b>			
01	Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.	<p><b>I. Tại Quyết định này, các thủ tục sau đã hết hiệu lực (35 thủ tục):</b></p> <p><b>A. Lĩnh vực xây dựng:</b> 1. Cấp giấy xác nhận đăng ký văn phòng điều hành công trình cho nhà thầu nước ngoài; 2. Tiếp nhận báo cáo của các Chủ đầu tư về chất lượng công trình xây dựng, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo định kỳ; 3. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình theo phân cấp quản lý của Sở Xây dựng; 4. Tiếp nhận và quản lý giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn chịu lực và sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng do các Chủ đầu tư gửi; 5. Tiếp nhận báo cáo nhanh về sự cố công trình xây dựng; 6. Thẩm định phương án tháo dỡ công trình; 7. Xác nhận hoàn công công trình – các thủ tục số 11, 14, 15, 16, 17, 18, 27, mục II.</p> <p><b>B. Lĩnh vực quy hoạch xây dựng:</b> 1. Thông qua Hội đồng kiến trúc – quy hoạch tỉnh; 2. Thỏa thuận đồ án quy hoạch; 3. Giới thiệu địa điểm xây dựng công trình, trình UBND tỉnh phê duyệt; 4. Xác nhận sự phù hợp về quy hoạch xây dựng – các thủ tục số 36, 37, 40, 41, mục III.</p>	Ban hành văn bản mới thay thế

**C. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật:** 1. Thỏa thuận quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị – thủ tục số 47, mục V.

**D. Lĩnh vực Nhà ở:** 1. Cấp Giấy chứng nhận không bắt động sản; 2. Cấp mới Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đối với tổ chức; 3. Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đối với tổ chức; 4. Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đối với tổ chức; 5. Xác nhận thay đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đối với tổ chức; 6. Cấp mới Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với tổ chức; 7. Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với tổ chức; 8. Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với tổ chức; 9. Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở trường hợp do chuyển nhượng một phần nhà ở đã có Giấy chứng nhận đối với tổ chức; 10. Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở trường hợp do chuyển nhượng toàn bộ nhà ở đã có Giấy chứng nhận đối với tổ chức. 11. Xác nhận thay đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với tổ chức; 12. Chuyển mục đích sử dụng nhà khác thành nhà ở; 13. Thanh lý hợp đồng cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước; 14. Giải quyết hồ sơ xin mua nhà thuộc sở hữu nhà nước; 15. Giải quyết thay đổi tên hợp đồng thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước; 16. Ký hợp đồng thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước; 17. Mua nhà thuộc sở hữu nhà nước hai cơ chế giá; 18. Mua nhà thuộc sở hữu nhà nước giá thị trường; 19. Mua nhà lưu cư; 20. Nhận nhà thuộc sở hữu nhà nước; 21. Xác lập nhà của nhà nước đối với nguồn nhà do nhà nước đang quản lý; 22. Xác lập quyền sở hữu nhà của nhà nước và tiếp nhận nguồn nhà do cơ quan, đơn vị quản lý; 23. Xác lập quyền sở hữu nhà ở cho hộ gia đình và cá nhân đối với nhà trên đất quản lý; nhà xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà nước đã quản lý; nhà xây dựng trên diện tích đơn vị quản lý thuộc nhà nước quản lý – các thủ tục số 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 64, 67, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 77, 78, 79, mục VI.

**Lý do:** Đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh.

## **II. Tại Quyết định này, bãi bỏ 41 thủ tục sau:**

**A. Lĩnh vực xây dựng:** 1. Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư hoạt động xây dựng; 2. Cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng; 3. Cấp chứng chỉ

hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình; 4. Cấp lại hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (*Kiến trúc sư, kỹ sư, Giám sát thi công XD công trình*); 5. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2; 6. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 (trường hợp nâng từ hạng 2 lên hạng 1); 7. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 (trường hợp cấp thẳng không qua hạng 2); 8. Cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng; 9. Cấp Giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam; 10. Cấp Giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam; 11. Ý kiến về thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm B, C lĩnh vực: Dân dụng, Công nghiệp, VLXD, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các công trình khác bằng các nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước; 12. Ý kiến về điều chỉnh Thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm B, C thuộc lĩnh vực: Dân dụng, Công nghiệp VLXD, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các công trình khác bằng các nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước; 13. Cấp Giấy phép xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp (*không phải nhà ở riêng lẻ*); 14. Cấp giấy phép xây dựng công trình cửa hàng xăng dầu; 15. Cấp giấy phép xây dựng công trình tượng đài và tranh hoành tráng; 6. Cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo; 17. Cấp giấy phép xây dựng công trình trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS). 18. Cấp giấy phép xây dựng công trình tạm; 19. Điều chỉnh giấy phép xây dựng; 20. Gia hạn giấy phép xây dựng – các thủ tục số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, mục I.

**B. Lĩnh vực vật liệu xây dựng:** 1. Thẩm định quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng – thủ tục số 28, mục II.

**C. Lĩnh vực qui hoạch xây dựng:** 1. Thẩm định quy hoạch tổng mặt bằng công trình tỷ lệ 1/500 đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng; 2. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng; 3. Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng vùng; 4. Thẩm định quy hoạch chung xây dựng; 5. Thẩm định điều chỉnh quy hoạch xây dựng; 6. Cấp chứng chỉ quy hoạch; 7. Thỏa thuận Kiến trúc – Quy hoạch công trình” – các thủ tục số 29, 31, 32, 33, 35, 38, 39, mục III.

		<p><b>D. Lĩnh vực phát triển đô thị:</b> 1. Thẩm định đề án nâng cấp đô thị – thủ tục số 42, mục IV.</p> <p><b>Đ. Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật:</b> 1. Cấp giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; 2. Thẩm định đồ án quy hoạch chuyên ngành – thủ tục số 45, 50, mục V.</p> <p><b>E. Lĩnh vực nhà ở:</b> 1. Thẩm định các dự án phát triển nhà ở – thủ tục số 81, mục VI.</p> <p><b>F. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản:</b> 1. Thẩm định hồ sơ chuyên nhượng toàn bộ dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng khu công nghiệp; 2. Cấp Chứng chỉ định giá bất động sản; 3. Cấp Chứng chỉ môi giới bất động sản; – các thủ tục số 83, 84, 85, mục VII.</p> <p><b>G. Lĩnh vực Thanh tra chuyên ngành:</b> 1. Tiếp dân; 2. Xử lý đơn thư; 3. Giải quyết khiếu nại lần đầu; 4. Giải quyết khiếu nại lần hai; 5. Giải quyết tố cáo và phòng, chống tham nhũng – các thủ tục số 86, 87, 88, 89, 90, mục VIII.</p> <p><b>Lý do:</b> Đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh.</p> <p><b>H. Thủ tục “Thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí khảo sát địa hình và chi phí lập đồ án quy hoạch xây dựng (gồm quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng) – thủ tục số 30, mục III:</b></p> <p><b>Lý do:</b> Đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của UBND tỉnh.</p>	
02	<p>Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 về việc công bố thủ tục hành chính được điều chỉnh, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p><b>I. Tại Quyết định này, các thủ tục sau đã hết hiệu lực:</b></p> <p><b>Thủ tục “Tiếp nhận và quản lý giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng”.</b></p> <p><b>Lý do:</b> thủ tục này được công bố nhằm sửa đổi, bổ sung nội dung đã được công bố tại Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 19/8/2009. Tuy nhiên, thủ tục này đã được công bố bãi bỏ tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh.</p>	<p>Ban hành văn bản mới thay thế</p>

		<p><b>II. Tại Quyết định này, bãi bỏ các thủ tục sau (04 thủ tục):</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2.</li> <li>2. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 (trường hợp nâng từ hạng 2 lên hạng 1).</li> <li>3. Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 (trường hợp cấp thẳng không qua hạng 2).</li> <li>4. Cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng.</li> </ol> <p><b>Lý do:</b> các thủ tục này được công bố nhằm sửa đổi, bổ sung nội dung đã được công bố tại Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 19/8/2009. Tuy nhiên 04 thủ tục này đã được sửa đổi và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 của UBND tỉnh.</p>	
03	<p>Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.</p>		<p>Sửa đổi, bổ sung</p>

<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế</b>		
01	<p>Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p><b>I. Tại Quyết định này, các TTHC sau đã hết hiệu lực (28 thủ tục):</b></p> <p><b>- Đối với Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh:</b></p> <p>1. Cấp chứng chỉ hành nghề y tư nhân; 2. Đồi, Cấp chứng chỉ hành nghề Y tư nhân; 3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y tư nhân; 4. Chuyển đổi địa điểm hành nghề và thay đổi phạm vi hành nghề Y (chung cho tất cả các loại hình hành nghề Y tư nhân) – các thủ tục số 1, 3, 4, 6, mục I.</p> <p><b>- Đối với Lĩnh vực dược, mỹ phẩm:</b></p> <p>1. Cấp số tiếp nhận hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm – thủ tục số 9, mục III.</p> <p><b>- Đối với Lĩnh vực Quảng cáo thuốc, mỹ phẩm:</b></p> <p>1. Cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ hội thảo, giới thiệu thuốc – thủ tục số 1, mục IV.</p> <p><b>- Đối với Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh:</b></p> <p>1. Gia hạn chứng chỉ hành nghề Y tư nhân; 2. Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y tư nhân; 3. Cấp thẻ hành nghề Y tư nhân (áp dụng chung cho tất cả các loại hình hành nghề Y tư nhân) – các thủ tục số 2, 5,7, mục I.</p> <p><b>- Đối với Lĩnh vực Y dược học cổ truyền:</b></p> <p>1. Cấp giấy chứng chỉ hành nghề Y dược học cổ truyền tư nhân; 2. Gia hạn chứng chỉ hành nghề Y dược học cổ truyền tư nhân; 3. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y dược học cổ truyền tư nhân; 4. Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y dược học cổ truyền tư nhân; 5. Chuyển đổi địa điểm hành nghề và thay đổi phạm vi hành nghề Y dược học cổ truyền tư nhân; 6. Cấp và gia hạn giấy phép cho người nước ngoài khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền tư nhân; 7. Cấp thẻ hành nghề tư nhân – các thủ tục số 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, mục II.</p> <p><b>- Đối với Lĩnh vực Dược, mỹ phẩm:</b></p> <p>1. Cấp mới chứng chỉ hành nghề Dược tư nhân; 2. Gia hạn chứng chỉ hành nghề Dược tư nhân; 3. Cấp mới giấy đủ điều kiện kinh doanh thuốc (Đại lý thuốc,</p>

Ban hành  
văn bản mới  
thay thế



		<p>Quầy thuốc, Nhà thuốc); 4. Cấp mới giấy đủ điều kiện kinh doanh thuốc (Doanh nghiệp, chi nhánh, công ty); 5. Gia hạn giấy đủ điều kiện kinh doanh thuốc (Đại lý thuốc, quầy thuốc, nhà thuốc, doanh nghiệp, chi nhánh, công ty); 6. Chuyển địa điểm kinh doanh thuốc (Đại lý thuốc, quầy thuốc, nhà thuốc, doanh nghiệp, chi nhánh, công ty); 7. Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc (Doanh nghiệp, chi nhánh công ty); 8. Giấy chứng nhận thực hành tốt nhà thuốc; 9. Đăng ký sản xuất thuốc trong nước; 10. Cho phép nhập khẩu thuốc phi mại dịch” – khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, mục III.</p> <p><b>- Đối với Lĩnh vực Quảng cáo thuốc, mỹ phẩm:</b></p> <p>1. Cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ hội thảo/tổ chức sự kiện giới thiệu mỹ phẩm; 2. Cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ quảng cáo mỹ phẩm – thủ tục số 2, 3, mục IV.</p> <p><b>Lý do:</b> Đã được công bố thay thế và bãi bỏ tại Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 của UBND tỉnh.</p> <p><b>II. Tại Quyết định này, bãi bỏ TTHC sau:</b></p> <p>- Thủ tục “Cấp thẻ người giới thiệu thuốc” – thủ tục số 4, mục IV.</p> <p><b>Lý do:</b> Đã được sửa đổi và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 của UBND tỉnh.</p>	
02	<p>Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.</p>		Sửa đổi, bổ sung
<b>Tổng cộng: 64 văn bản</b>			

**DANH MỤC VĂN BẢN CÔNG BỐ**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC ĐỐI TƯỢNG RÀ SOÁT NĂM 2013**  
*(Được công bố kèm theo Quyết định số 502../QĐ-UBND ngày 11../3../2014 của UBND tỉnh)*

Stt	Tên loại văn bản; Số, ký hiệu; ngày ban hành; Trích yếu	Ghi chú
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã</b>		
01	Quyết định số 1821b/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại xã, phường, thị trấn (cấp xã) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk..	Ban hành văn bản mới thay thế
02	Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, phường, thị trấn.	Bãi bỏ
03	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực văn hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, phường, thị trấn.	
04	Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Hết hiệu lực
05	Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, phường, thị trấn.	Sửa đổi, bổ sung

06	Quyết định số 1906/QĐ-UBND 13/9/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk</b>		
01	Quyết định số 1820b/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
02	Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, thị xã, thành phố.	Bãi bỏ
03	Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực văn hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, thị xã, thành phố.	
04	Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực văn hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, thị xã, thành phố.	
05	Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Hết hiệu lực

06	Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 08/08/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
07	Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, thị xã, thành phố.	
08	Quyết định số 2950/QĐ-13/12/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.	
09	Quyết định số 1905/QĐ-UBND 13/9/2013 về việc công bố thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã và một số sở, ngành cấp tỉnh</b>		
01	Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về việc công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Dân tộc tỉnh</b>		
01	Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban dân tộc tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế

<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh</b>		
01	Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản thay thế
02	Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 26/6/2010 về việc công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
03	Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 10/08/2011 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.	Sửa đổi, bổ sung
04	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương</b>		
01	Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 1/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
02	Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 08/10/2009 về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.	Ban hành văn bản mới thay thế

03	Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về việc công bố sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương được ban hành kèm theo Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND tỉnh.	Bãi bỏ
04	Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 19/3/2010 về việc công bố sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk.	Bãi bỏ
05	Quyết định số 3390/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.	Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế
06	Quyết định số 428/QĐ-UBND 23/2/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.	Bãi bỏ
07	Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.	
08	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	
09	Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk.	Sửa đổi, bổ sung

10	Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk.	Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế
11	Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương.	Sửa đổi, bổ sung
12	Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 21/10/2013 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	
13	Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo</b>		
01	Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
02	Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>		
01	Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk..	Ban hành văn bản mới thay thế

02	Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 về việc công bố bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Ban hành văn bản mới thay thế
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ</b>		
01	Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ</b>		
01	Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ.	Hết hiệu lực
02	Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 về việc công bố bộ thủ tục hành chính được điều chỉnh, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ.	Hết hiệu lực
03	Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ.	
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ</b>		
01	Quyết định số 2180/QĐ-UBND 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ.	Ban hành văn bản mới thay thế



02	Quyết định số 1292/QĐ-UBND 13/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh</b>		
01	Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk.	Hết hiệu lực
02	Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
03	Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>		
01	Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Ban hành văn bản mới thay thế
02	Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn.	

<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính</b>		
01	Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.	Bãi bỏ
02	Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thay thế; bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội</b>		
01	Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh & Xã hội tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
02	Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
03	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 21/5/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		
01	Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.	Ban hành văn bản mới thay thế

02	Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.	Sửa đổi, bổ sung
03	Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 23/5/2013 về việc bổ thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông</b>		
01	Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
02	Quyết định số 3393/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 về việc công bố TTHC mới ban hành; TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở thông tin và Truyền thông.	
03	Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp</b>		
01	Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk.	Hết hiệu lực

02	Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.	Hết hiệu lực
03	Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 31/7/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.	
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh</b>		
01	Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh Đắk Lắk.	Bãi bỏ
02	Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh.	
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Thi hành án dân sự tỉnh</b>		
01	Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản thay thế
02	Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>		
01	Quyết định số 2194/QĐ-UBND 19/8/2009 về việc công bố TTHC lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Ban hành văn bản mới thay thế

02	Quyết định số 3211/QĐ-UBND 15/12/2011 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Sửa đổi, bổ sung
03	Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.	Sửa đổi, bổ sung
04	Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 07/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính bãi bỏ, thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Sửa đổi, bổ sung
05	Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.	Sửa đổi, bổ sung
06	Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng</b>		
01	Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
02	Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 về việc thay thế một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.	Bãi bỏ

03	Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 về việc công bố thủ tục hành chính được điều chỉnh, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
04	Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế</b>		
01	Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế
02	Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.	Sửa đổi, bổ sung
<b>Tổng cộng: 79 văn bản</b>		

**DANH MỤC VĂN BẢN CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ**

(Được công bố kèm theo Quyết định số ~~502~~/QĐ-UBND ngày 11 / 3. /2014 của UBND tỉnh)

Stt	Tên loại văn bản; Số, ký hiệu; ngày ban hành; Trích yếu	Hình thức xử lý	Lý do
<b>Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Đắk Lắk</b>			
01	Quyết định số 1821b/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại xã, phường, thị trấn (cấp xã) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	Nhiều thủ tục còn hiệu có nội dung không còn phù hợp. Các sở ngành có liên quan cần rà soát và sửa đổi hoặc thay thế theo hướng tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản quy định về riêng TTHC thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan mình cho thống nhất, tập trung và dễ tra cứu áp dụng thực hiện (nhằm thay thế toàn bộ các TTHC tại Quyết định này cho phù hợp).
02	Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, phường, thị trấn.	Sửa đổi, bổ sung	- <b>Đối với Thủ tục công nhận và giải thể câu lạc bộ thể thao cơ sở.</b> + <i>Tại điểm e – Cơ quan thực hiện TTHC:</i> có quy định “Cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp xã” là không phù hợp, vì theo quy định tại khoản 2, Điều 3, Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL thì “ <b>Chủ tịch</b> UBND cấp xã ra quyết định công nhận” chứ không phải là “UBND cấp xã”. Ngoài ra, thủ tục này cũng chưa đề cập đến nội dung “Giải thể” là chưa đầy đủ và không thống nhất với tên gọi của Thủ tục là “Công nhận <b>giải thể</b> ...”.

Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đắk Lắk			
01	Quyết định số 1820b/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	Nhiều thủ tục còn hiệu lực có nội dung không còn phù hợp. Các sở ngành có liên quan cần rà soát và sửa đổi hoặc thay thế theo hướng tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản quy định về riêng TTHC thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan mình cho thống nhất, tập trung và dễ tra cứu áp dụng thực hiện (nhằm thay thế toàn bộ các TTHC tại Quyết định này cho phù hợp).
02	Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 08/08/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>1. Đối với thủ tục “Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi”.</b> + Về trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết: TTHC này được công bố từ giai đoạn nộp hồ sơ tại <b>cấp xã</b> và thời hạn giải quyết 30 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ tại cấp xã và kể cả thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cấp xã là không phù hợp, vì TTHC này chỉ được công bố thực hiện <b>tại cấp huyện</b>. Trong trường hợp này hồ sơ cần nộp đã bao gồm các văn bản (giấy tờ) <b>đã được thực hiện xong</b> tại cấp xã. Do đó, trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết chỉ nên công bố trong giai đoạn được thực hiện tại cấp huyện (thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch cấp xã) cho phù hợp với quy định tại khoản 3.4, Điều 2, Thông tư số 17/2011/TT-BLĐTBXH ngày 19/5/2011 của BLĐTBXH quy định hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng và tiếp nhận người cao tuổi vào cơ sở bảo trợ xã hội (việc quy định thời hạn giải quyết 30 ngày bao gồm cả thời gian thực hiện tại cấp xã và thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cấp xã là không phù hợp, vì trong trường hợp này các công đoạn ở cấp xã nếu có giải quyết khiếu nại tố cáo thì đã được thực hiện xong).</p> <p><b>2. Đối với thủ tục “Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng”.</b> - Tại điểm 1 – Tên mẫu đơn, Tờ khai và tại điểm 1 – Căn cứ pháp lý: Mẫu đơn và căn cứ pháp lý được công bố thực hiện theo quy định của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính</p>



		<p>phù về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP; Thông tư số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 18/8/2010 của liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP là không còn phù hợp, vì các Nghị định nêu trên đã hết hiệu lực (được thay thế bằng Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội); và những quy định về hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi tại Thông tư liên tịch số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC cũng đã hết hiệu lực (được thay thế bằng Thông tư số 17/2011/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng và tiếp nhận người cao tuổi vào cơ sở bảo trợ xã hội) Do đó cần sửa đổi lại các nội dung này cho phù hợp.</p> <p><b>3. Đối với thủ tục “Tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội”:</b></p> <p>- <b>Về trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết:</b> TTHC này được công bố từ giai đoạn nộp hồ sơ tại <b>cấp xã</b> và thời hạn giải quyết 30 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ tại cấp xã và kể cả thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cấp xã là không phù hợp, vì TTHC này chỉ được công bố thực hiện <b>tại cấp huyện</b>. Trong trường hợp này hồ sơ cần nộp đã bao gồm các văn bản (giấy tờ) <b>đã được thực hiện xong</b> tại cấp xã. Do đó, trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết chỉ nên công bố trong giai đoạn được thực hiện tại cấp huyện (thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch cấp xã) cho phù hợp với quy định tại khoản 3, 4, Điều 11, Thông tư số 17/2011/TT- BLĐTBXH ngày 19/5/2011 của BLĐTBXH quy định hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng và tiếp nhận người cao tuổi vào cơ sở bảo trợ xã hội (việc quy định thời hạn giải quyết <b>30</b> ngày bao gồm cả thời gian thực hiện tại cấp xã và thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cấp xã là không phù hợp, vì trong trường hợp này các công đoạn ở cấp xã nếu có giải quyết khiếu nại tố cáo thì đã được thực hiện xong).</p> <p>- <b>Về thành phần hồ sơ:</b> Trong thành phần hồ sơ cần nộp, có quy định “Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện đối với trường hợp tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội thuộc cấp huyện quản lý” là không phù hợp, vì TTHC này được thực</p>
--	--	---

			<p>hiện đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện cấp “Quyết định tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội thuộc cấp huyện quản lý”. Do đó ở giai đoạn đề nghị này, trong hồ sơ cần nộp không thể có “Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện đối với trường hợp tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội thuộc cấp huyện quản lý” (Quyết định này là kết quả thực hiện TTHC, chứ không phải thành phần hồ sơ phải nộp).</p> <p><b>+ Tại phần căn cứ pháp lý:</b></p> <p>Thủ tục hành chính này được công bố trên cơ sở Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP; Thông tư số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 18/8/2010 của liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP. Tuy nhiên hiện nay các Nghị định nêu trên đã hết hiệu lực vì được thay thế bằng Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; và những quy định về hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi tại Thông tư liên tịch số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC cũng đã hết hiệu lực vì đã được thay thế bằng Thông tư số 17/2011/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng và tiếp nhận người cao tuổi vào cơ sở bảo trợ xã hội.</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã và một số sở, ngành cấp tỉnh</b>			
01	<p>Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p><b>Nhiều thủ tục có nội dung không còn phù hợp:</b></p> <p><b>1. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt nội dung Chương trình sử dụng vốn ODA</b> (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư).</p> <p>Thủ tục này được công bố trên cơ sở Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ. Tuy nhiên, Nghị định này đã được thay thế bằng Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ. Do đó, cần sửa đổi và công bố lại cho phù hợp với quy định của Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.</p>

			<p><b>2. Thủ tục Thẩm định hồ sơ đề nghị Cục Báo chí – Bộ TTTT cấp thẻ nhà báo</b> (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông).</p> <p>- Tại điểm h – Lệ phí: có quy định mức thu “100.000 đồng” là không có cơ sở pháp lý (vì pháp luật chưa có quy định về mức thu lệ phí trong trường hợp này).</p> <p>v.v...</p> <p>Còn nhiều TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều ngành thuộc quyền quản lý của các <b>Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, Sở Lao động thương binh và Xã hội</b>. Do đó, các Sở nêu trên cần rà soát lại các TTHC này để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (theo hướng nhập các thủ tục hành chính còn hiệu lực tại Quyết định này vào các Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình hoặc thuộc ngành lĩnh vực do cơ quan mình quản lý cho rõ ràng, tập trung, thống nhất, để áp dụng thực hiện).</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Dân tộc tỉnh</b>			
01	Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban dân tộc tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Nhiều thủ tục còn hiệu lực có nội dung không còn phù hợp:</b></p> <p>- Đối với các thủ tục “Tiếp công dân”, “Giải quyết khiếu nại”, “Giải quyết tố cáo” – các thủ tục số 1, 3, 4, mục I.</p> <p>Các TTHC này được công bố trên cơ sở Luật khiếu nại, tố cáo ngày 2/12/1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật khiếu nại, tố cáo ngày 29/11/2005; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo là không còn phù hợp, vì các văn bản này đã được thay thế bằng Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo năm 2011 và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật tố cáo.</p> <p>Do đó, cần sửa đổi và công bố lại các thủ tục này cho phù hợp.</p>

<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh</b>			
01	Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản thay thế	Quyết định này (có 14 thủ tục, trong đó có 10 thủ tục bãi bỏ vì đã được sửa đổi, bổ sung và công bố lại toàn bộ nội dung tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của UBND tỉnh) cần ban hành văn bản thay thế để nhập chung các thủ tục còn hiệu lực (04 thủ tục) tại Quyết định này với các Quyết định cần thay thế khác cho đồng bộ, thống nhất, tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức có liên quan áp dụng thực hiện.
02	Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 26/6/2010 về việc công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Một số thủ tục có nội dung không còn phù hợp:</b></p> <p><b>1. Đối với thủ tục “quy trình cấp giấy phép xây dựng trong khu công nghiệp”- Thủ tục số 1, Mục I:</b> Trình tự, thủ tục, mẫu đơn của thủ tục hành chính này được công bố trên cơ sở Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình là không còn phù hợp, vì hiện nay, Nghị định này đã được thay thế bằng Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng. Do đó cần sửa đổi và công bố lại toàn bộ thủ tục này trên cơ sở Nghị định số 64/2012/NĐ-CP cho phù hợp.</p> <p><b>2. Đối với thủ tục “Cấp sổ lao động cho người lao động Việt Nam làm việc trong khu công nghiệp” –thủ tục số 2, Mục II:</b> Theo quy định của Bộ luật lao động năm 2012 thì các doanh nghiệp không phải thực hiện “đăng ký cấp sổ lao động” nữa. Do đó, cần bãi bỏ thủ tục này cho phù hợp.</p> <p><b>3. Thủ tục “Đăng ký thỏa ước lao động tập thể của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp” - thủ tục số 4, Mục II:</b> Theo quy định của Bộ luật lao động năm 2012 thì các doanh nghiệp không phải thực hiện “đăng ký thỏa ước lao động tập thể” nữa. Do đó, cần bãi bỏ thủ tục này cho phù hợp.</p> <p><b>4. Thủ tục “Đăng ký hệ thống thang lương, bảng lương các Doanh nghiệp trong Khu công nghiệp” - thủ tục số 5, Mục II:</b></p>

			<p>Theo quy định của Bộ luật lao động năm 2012 thì các doanh nghiệp không phải thực hiện “đăng ký hệ thống thang lương, bảng lương” nữa. Do đó, cần bãi bỏ thủ tục này cho phù hợp.</p> <p>v.v...</p>
03	<p>Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 10/08/2011 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.</p>	Sửa đổi, bổ sung	<p><b>TTTC có nội dung không phù hợp:</b>  <b>Thủ tục “Xây dựng các hợp đồng liên quan đến bất động sản trong Khu công nghiệp” – thủ tục số 2, Mục I:</b>  <i>- Tại điểm d – Thời hạn giải quyết:</i> Có quy định “05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ” là chưa phù hợp với quy định tại điểm 2.1, Khoản 2, Mục II, Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT, vì theo quy định này thì “Không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với hợp đồng, văn bản về bất động sản trong trường hợp là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài”; tuy nhiên, đối với hợp đồng thế chấp thì “không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.</p>
04	<p>Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.</p>	Sửa đổi, bổ sung	<p><b>-Đối với thủ tục “cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong khu công nghiệp”- thủ tục số 1, Mục III:</b>  <i>- Tại phần tên gọi:</i> tên gọi của thủ tục này được công bố đối với cả trường hợp “thu hồi giấy phép lao động...” là không phù hợp, vì nội dung của thủ tục này không bao gồm trường hợp “thu hồi” như được công bố.  <i>- Về trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ:</i> được xây dựng trên cơ sở Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP là không còn phù hợp, vì hiện nay, Nghị định số 34/2008/NĐ-CP và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP đã được thay thế bằng Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 05/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.  Do đó, cần sửa đổi toàn bộ thủ tục này để công bố lại trên cơ sở Nghị định số 102/2013/NĐ-CP cho phù hợp.</p>

**Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương**

01	Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 1/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Nhiều thủ tục có nội dung không còn phù hợp:</b>  <b>Các thủ tục “tiếp dân”; thủ tục “xử lý đơn”; thủ tục “giải quyết khiếu nại lần 1”; thủ tục “giải quyết khiếu nại lần hai”:</b></p> <p>Các thủ tục này được xây dựng dựa trên cơ sở quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2004 và 2005; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ là không còn phù hợp, vì hiện nay, các Luật và Nghị định này đã được thay thế bằng Luật khiếu nại năm 2011; Luật tố năm 2011; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại và Nghị định 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo. Do đó, cần công bố thay thế lại toàn bộ các thủ tục này trên cơ sở các văn bản mới cho phù hợp.</p>
02	Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 08/10/2009 về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p>Tại Quyết định này có 03 thủ tục (Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực lần đầu; cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực khi thẻ hết hạn sử dụng; cấp lại thẻ kiểm tra viên điện lực) được công bố trên cơ sở Quyết định số 31/2006/QĐ-BCN ngày 06/9/2006 của Bộ Công nghiệp ban hành Quy định kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện. Tuy nhiên, hiện nay Quyết định số 31/2006/QĐ-BCN đã được công bố hết hiệu lực tại Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công thương quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện. Do đó cần ban hành thay thế toàn bộ 03 TTHC tại Quyết định này trên cơ sở Thông tư số 27/2013/TT-BCT cho phù hợp.</p>
03	Quyết định số 3390/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương.	Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Nhiều thủ tục còn hiệu lực có nội dung không còn phù hợp:</b></p> <p>Đối với các thủ tục “cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp”; thủ tục “Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp”; thủ tục “cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp”.</p> <p>+ <i>Tại điểm c - Thành phần hồ sơ:</i> Có quy định “Bản sao hợp lệ bằng đại học các</p>

			<p>ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật; chứng chỉ đã tham gia lớp huấn luyện về nghiệp vụ hóa chất của cán bộ kỹ thuật, nhân viên và người lao động của cơ sở sản xuất hóa chất” và “Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe của cơ quan y tế cấp quận, huyện trở lên cấp cho các đối tượng gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm” là không còn phù hợp, vì các giấy tờ này đã được bãi bỏ tại Khoản 2, Điều 1, Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21/4/2011 của Bộ Công thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>+ <i>Tại điểm e - Đối tượng thực hiện TTHC:</i> Chi công bố “<b>tổ chức</b>” là không đầy đủ và không phù hợp với quy định tại các Điều 9, 10, 11 Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP, vì theo các quy định này thì đối tượng thực hiện TTHC bao gồm cả “<b>cá nhân</b>”.</p> <p>+ <i>Tại điểm i - Lệ phí:</i> mức thu lệ phí đối với các TTHC này vẫn chưa được công bố là không còn phù hợp, vì hiện nay mức thu lệ phí đã được quy định tại Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính. Do đó, cần công bố bổ sung vào mục này cho đầy đủ.</p>
04	<p>Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p><b>Nhiều thủ tục còn hiệu lực có nội dung không còn phù hợp:</b></p> <p><b>1 Thủ tục “Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài trong trường hợp thay đổi địa điểm trụ sở từ tỉnh này đến tỉnh khác” - thủ tục số 6, mục I, phần B:</b></p> <p>+ <i>Tại điểm c - thành phần hồ sơ:</i> Thành phần hồ sơ có yêu cầu nộp “bản sao có công chứng Hợp đồng thuê địa điểm mới của Văn phòng đại diện” là không phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25/7/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, vì theo quy định này thì hồ sơ phải nộp không bao gồm loại giấy tờ như được nêu trên.</p>

			<p><b>2. Thủ tục “Điều chỉnh Giấy phép Văn phòng đại diện nước ngoài trong trường hợp: a) Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng địa diện; b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở...” - thủ tục số 8, mục I, phần B:</b></p> <p><i>Tại điểm h – Lệ phí:</i> có công bố “không thu lệ phí” là không phù hợp, vì trường hợp điều chỉnh Giấy phép được xem là trường hợp có sửa đổi, bổ sung nội dung của Giấy phép. Do đó, vẫn phải thu lệ phí sửa đổi bổ sung theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 2, Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ, thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Do đó, cần sửa đổi lại nội dung này cho phù hợp.</p> <p>v.v...</p>
05	<p>Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế</p>	<p><b>- Đối với các thủ tục “cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm”; thủ tục “cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm”; thủ tục “cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm”:</b></p> <p>+ <i>Tại điểm h - Lệ phí:</i> Lệ phí của các thủ tục này được công bố trên cơ sở Quyết định số 80/2005/QĐ-BTC ngày 17/11/2005 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm là không còn phù hợp, vì hiện nay, Quyết định này đã bị bãi bỏ bằng Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm.</p> <p>+ <i>Tại điểm l – Căn cứ pháp lý:</i> việc công bố căn cứ “Quyết định số 80/2005/QĐ-BTC ngày 17/11/2005 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm” là không còn phù hợp, vì hiện nay Quyết định này đã bị bãi bỏ bằng Thông tư số 149/2013/TT-BTC.</p>



06	Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyết của Sở Công Thương.	Sửa đổi, bổ sung	<p><b>Đối với các thủ tục số 5 - Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp; thủ tục số 6 - Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp; thủ tục số 7 - Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp do hết thời hạn hiệu lực; thủ tục số 8 - Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.</b></p> <p>- <i>Tại điểm h – Lệ phí:</i> các thủ tục nêu trên đều công bố lệ phí “<b>chưa có quy định</b>”. Tuy nhiên, mặt hàng rượu công nghiệp thuộc Danh mục hàng hóa hạn chế kinh doanh (Phụ lục II) được ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại..., và theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh..., thì mặt hàng hạn chế kinh doanh (rượu công nghiệp) cũng phải thu lệ phí theo quy định của Thông tư này. Do đó việc công bố lệ phí “<b>chưa có quy định</b>” là không phù hợp.</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo</b>			
01	Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Nhiều thủ tục có nội dung không còn phù hợp:</b></p> <p><b>1. Đối với thủ tục “Sát nhập, chia tách trường trung học phổ thông để thành lập trường mới”, thủ tục “Giải thể trường trung học phổ thông” thủ tục “Thẩm định đề án thành lập trường trung học phổ thông” – thủ tục số 2, 4, 8, mục I.</b></p> <p>+ Các TTHC này được công bố trên cơ sở Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 2/4/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học là không còn phù hợp, vì Quyết định này đã được thay thế bằng Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Do đó cần sửa đổi và công bố lại nội dung của các TTHC này trên cơ sở Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT cho phù hợp.</p>

			<p><b>2. Đối với thủ tục “Đình chỉ hoạt động trường trung học phổ thông” – thủ tục số 3, mục I:</b></p> <p>Việc tham mưu đình chỉ trường trung học phổ thông chỉ là thủ tục hành chính trong nội bộ cơ quan, không liên quan đến việc giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 1, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát TTHC, thì Nghị định này không điều chỉnh đối với “TTHC nội bộ trong cơ quan của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức”. Do đó, việc công bố TTHC này là không phù hợp.</p> <p><b>3. Đối với thủ tục “Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia” – thủ tục số 10, mục I.</b></p> <p>+ TTHC này được công bố trên cơ sở Quyết định số 32/2005/QĐ-BGD&amp;ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia là không còn phù hợp, vì Quyết định này đã được thay thế bởi Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.</p> <p>Do đó cần sửa đổi và công bố lại trên cơ sở Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT cho phù hợp.</p> <p><b>4. Các thủ tục thuộc lĩnh vực Giải quyết khiếu nại – Tố cáo, như: thủ tục “Tiếp dân”, thủ tục “Xử lý đơn thư”, thủ tục “Giải quyết khiếu nại lần 1”, thủ tục “Giải quyết khiếu nại lần 2”, thủ tục “Giải quyết tố cáo” – các thủ tục số 25, 26, 27, 28, 29, mục IV.</b></p> <p>Các TTHC này được công bố trên cơ sở Luật khiếu nại, tố cáo ngày 2/12/1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật khiếu nại, tố cáo ngày 29/11/2005; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo là không còn phù hợp, vì các văn bản này đã hết hiệu lực và đã được thay thế bằng Luật khiếu nại năm 2011 và</p>
--	--	--	--

			<p>Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo năm 2011 và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật tố cáo.</p> <p>v.v...</p>
02	<p>Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung</p>	<p><b>Nhiều thủ tục còn hiệu lực có nội dung không còn phù hợp</b></p> <p><b>1. Đối với thủ tục “Cấp phép dạy thêm cấp trung học phổ thông”.</b></p> <p>- <i>Tại điểm h – Lệ phí:</i> có công bố “mức lệ phí 5% cho cơ quan cấp phép dạy thêm để chi cho công tác quản lý thanh tra, kiểm tra” là không phù hợp, vì nội dung này không có cơ sở pháp lý và đã được công bố bãi bỏ trong Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 23/3/2011 của UBND tỉnh công bố các Danh mục văn bản QPPL hoặc có chứa QPPL đã được rà soát năm 2010.</p> <p>- <i>Tại điểm l – Căn cứ pháp lý:</i> có viển dẫn căn cứ “Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 25/7/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh” là không còn phù hợp, vì hiện nay Quyết định này đã được thay thế bằng Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p><b>2. Đối với thủ tục “Công nhận trường trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia”, thủ tục “Công nhận trường Trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia” – các thủ tục số 4, 5, Danh mục B.</b></p> <p>Hai TTHC này được công bố trên cơ sở Thông tư số 06/2010/TT-BGDĐT ngày 26/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia là không còn phù hợp, vì Thông tư này đã được thay thế bằng Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia.</p>

**Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

01	Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p>Nhiều thủ tục có nội dung không còn phù hợp, như:</p> <p><b>1. Thủ tục đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát đối với tình tự, thủ tục tiến hành họp và quyết định của Đại hội cổ đông đối với công ty cổ phần:</b></p> <p>Thủ tục này được công bố trên cơ sở Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp. Tuy nhiên hiện nay Nghị định này đã được thay thế bằng Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp. Do đó, cần công bố thay thế toàn bộ đối với thủ tục này trên cơ sở Nghị định số 102/2010/NĐ-CP cho phù hợp.</p> <p><b>2. Các thủ tục trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (10 thủ tục):</b></p> <p>Các thủ tục này được công bố trên cơ sở Luật Hợp tác xã 2003. Tuy nhiên, văn bản này đã hết hiệu lực vì được thay thế bằng Luật Hợp tác xã năm 2012 (có hiệu lực kể từ 01/7/2013). Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi để công bố lại toàn bộ các thủ tục này trên cơ sở Luật Hợp tác xã 2013 cho phù hợp.</p>
02	Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 về việc công bố bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p>Nhiều thủ tục hành chính có nội dung không phù hợp, như:</p> <p><b>1. Đối với các thủ tục trong lĩnh vực thành lập và hoạt động Doanh nghiệp, như: thủ tục “đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết mất tích”; thủ tục “đăng ký thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên do tiếp nhận thành viên mới”...:</b></p> <p>- <i>Tại điểm g - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</i> các TTHC này được công bố các biểu mẫu theo Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là không còn phù hợp vì Thông tư này hiện nay đã được thay thế bằng Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. Do đó, cần sửa đổi các biểu mẫu cho phù hợp với Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT.</p>

			<p>- <i>Tại điểm l - Căn cứ pháp lý:</i> Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. Do đó cần sửa đổi lại căn cứ pháp lý cho phù hợp.</p> <p><b>2. Đối với thủ tục “cấp Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP”; thủ tục “cấp đổi Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP”:</b></p> <p>- <i>Tại điểm d – Thời hạn giải quyết:</i> có quy định “20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (17 ngày làm việc)” là không rõ ràng (vì không biết chính xác là 20 ngày hay 17 ngày làm việc), và không phù hợp với quy định tại Điều 6, Thông tư số 06/2011/TT-BKHĐT ngày 06/4/2011 của Bộ KH&amp;ĐT hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP, vì theo quy định này thì thời hạn tối đa để giải quyết công việc này là 17 ngày làm việc.</p> <p><b>3. Đối với thủ tục “Giải quyết khiếu nại”, thủ tục “Giải quyết tố cáo” :</b></p> <p>- <i>Tại điểm l - căn cứ pháp lý:</i> có công bố “Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo” là không còn phù hợp vì Nghị định này đã được thay thế bằng Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo. Do đó cần sửa đổi lại căn cứ pháp lý cho phù hợp.</p>
--	--	--	---

**Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ**

01	Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p>Nhiều thủ tục không còn phù hợp, như:</p> <p><b>I. Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo.</b></p> <p>Các thủ tục “Tiếp công dân khiếu nại, tố cáo về khoa học và công nghệ”; thủ tục “Xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo về khoa học công nghệ”; thủ tục “Giải quyết khiếu nại lần 1”; thủ tục “Giải quyết khiếu nại lần 2”; thủ tục “Giải quyết tố cáo và phòng chống tham nhũng” – các thủ tục số 1, 2, 3, 4, 5, mục II.</p> <p>Các TTHC này được công bố trên cơ sở Luật khiếu nại, tố cáo ngày 2/12/1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật khiếu nại, tố cáo ngày 29/11/2005; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo là không còn phù hợp, vì các văn bản này đã được thay thế bằng Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo năm 2011 và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật tố cáo.</p> <p>Do đó cần sửa đổi và công bố lại các TTHC này cho phù hợp</p> <p><b>II. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ.</b></p> <p>- Đối với thủ tục “Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt của tổ chức khoa học và công nghệ”, thủ tục “Đăng ký thay đổi, bổ sung các nội dung trong giấy đăng ký hoạt động Khoa học và công nghệ đã được cấp” – thủ tục số 1, 2, mục III.</p> <p><i>Tại điểm c – Thành phần, số lượng hồ sơ:</i> Thành phần, số lượng hồ sơ của 2 TTHC này được công bố trên cơ sở “Thông tư số 10/2005/TT-BKHHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ” là không còn phù</p>
----	--	-------------------------------	--

		<p>hợp, vì Thông tư này đã được thay thế bằng Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18/3/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.</p> <p>Do đó, cần sửa đổi và công bố lại các thủ tục này cho phù hợp.</p> <p><b>III. Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.</b></p> <p><b>+ Đối với thủ tục “Khai báo, đăng ký, cấp phép cho các hoạt động liên quan đến thiết bị bức xạ X-quang trong y tế” – thủ tục số 1, mục IV.</b></p> <p>TTHC này được công bố trên cơ sở “Thông tư số 05/2006/TT-BKHHCN ngày 11/1/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thủ tục khai báo, cấp giấy đăng ký và cấp giấy phép cho các hoạt động liên quan đến bức xạ” và “Quyết định số 38/2006/QĐ-BTC ngày 24/7/2006 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực an toàn và kiểm soát bức xạ” là không còn phù hợp, vì 2 văn bản này đã được thay thế bằng “Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN ngày 22/7/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ cho nhân viên bức xạ” và “Thông tư số 76/2010/TT-BTC ngày 17/5/2010 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử”.</p> <p>Do đó, cần sửa đổi, và công bố lại thủ tục này cho phù hợp.</p> <p><b>IV. Lĩnh vực Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng.</b></p> <p><b>- Đối với thủ tục “ Đăng ký, kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện đo” – thủ tục số 3, mục V.</b></p> <p><i>Điểm h – Lệ phí:</i> Lệ phí tại TTHC này được công bố thực hiện trên cơ sở Thông tư số 83/2002/TT-BTC ngày 25/9/2002 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí về tiêu chuẩn đo lường chất lượng là không còn phù hợp, vì hiện nay Thông tư này đã được thay thế bởi Thông tư số 231/2009/TT-BTC ngày 9/12/2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.</p>
--	--	--

			<p>- <b>Đối với thủ tục “Thẩm định hồ sơ tham dự giải thưởng chất lượng Việt Nam” – thủ tục số 4, mục V, phần II.</b></p> <p>- <i>Điểm c – Thành phần, số lượng hồ sơ:</i> Thành phần, số lượng hồ sơ của TTHC này được công bố thực hiện trên cơ sở “Thông tư số 11/2009/TT-BKHHCN ngày 6/5/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia” là không còn phù hợp, vì Thông tư này đã được thay thế bằng “Thông tư số 17/2011/TT-BKHHCN ngày 30/6/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định giải thưởng Chất lượng quốc gia”.</p> <p>Do đó, cần sửa đổi, và công bố lại thủ tục này cho phù hợp.</p> <p>v.v...</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ</b>			
01	Quyết định số 2180/QĐ-UBND 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Nhiều thủ tục có nội dung không còn phù hợp:</b></p> <p><b>1. Đối với thủ tục “Cách chức, bãi nhiệm chức sắc” – khoản 8, mục III, phần II:</b></p> <p>Việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc được thể hiện Quyết định này chỉ là hoạt động thông báo của tổ chức tôn giáo theo quy định tại Điều 17, Nghị định số 22/2005/NĐ-CP (tổ chức tôn giáo khi cách chức, bãi nhiệm chức sắc thuộc quyền quản lý có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước đã đăng ký), không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC. Do đó việc công bố thủ tục này là không phù hợp.</p> <p><b>2. Đối với thủ tục “Thuyên chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành vi phạm pháp luật về tôn giáo đã bị xử lý” - khoản 9, mục III, phần II:</b></p> <p>- <i>Tại điểm d – Thời hạn giải quyết:</i> có quy định “Chờ ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh” là không rõ ràng, cụ thể, gây khó khăn, phiền hà cho cá nhân, tổ chức đăng ký thuyên chuyển. Do đó, cần sửa đổi nội dung này.</p>



		<p><b>3. Đối với thủ tục “Xin tổ chức hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo” - khoản 11, mục III, phần II:</b>  - <i>Tại điểm d – Thời hạn giải quyết:</i> có quy định “Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày UBND tỉnh nhận được hồ sơ hợp lệ” là không hợp lý, vì thủ tục này được gửi đến Ban Tôn giáo – Sở Nội vụ để tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện. Do đó khoảng thời gian thực hiện tại Ban Tôn giáo phải được tính vào thời hạn giải quyết của TTHC này, có nghĩa là thời hạn giải quyết phải được tính từ thời điểm nộp hồ sơ tại Ban Tôn giáo, chứ không thể tính từ thời điểm UBND tỉnh nhận được hồ sơ do Ban Tôn giáo trình. Do đó, cần sửa đổi nội dung này cho phù hợp</p> <p><b>4. Đối với thủ tục “Xin tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo” - khoản 12, mục III, phần II:</b>  - <i>Tại điểm d – Thời hạn giải quyết:</i> tương tự như thủ tục “Xin tổ chức hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo”, quy định “Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh nhận được hồ sơ hợp lệ” là không phù hợp, vì thời hạn này phải được tính từ thời điểm nộp hồ sơ tại Ban Tôn giáo – Sở Nội vụ. Do đó, cần sửa đổi nội dung này cho phù hợp.</p> <p><b>5. Đối với thủ tục “Thông báo tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo” - khoản 14, mục III, phần II:</b>  Việc “thông báo tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo” tại Quyết định này chỉ là hoạt động thông báo để cơ quan quản lý nhà nước giám sát việc thực hiện, không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC. Do đó việc công bố thủ tục này là không phù hợp.</p> <p><b>6. Đối với các thủ tục thuộc lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo: Thủ tục “tiếp dân”; thủ tục “xử lý đơn”; thủ tục “giải quyết khiếu nại lần 1”; thủ tục “giải quyết khiếu nại lần hai”; thủ tục “giải quyết tố cáo và phòng, chống tham nhũng”- các thủ tục số 1, 2, 3, 4, 5, Mục II, Phần II:</b>  Nội dung của các thủ tục này được xây dựng dựa trên quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2004 và 2005; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ là không còn phù hợp, vì hiện nay các văn bản trên đã được thay thế bởi Luật khiếu nại năm 2011; Luật tố cáo năm 2011; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại và Nghị định 76/2012/NĐ-CP ngày</p>
--	--	--

			<p>03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo. Do đó, cần sửa đổi và công bố lại toàn bộ nội dung của các thủ tục này trên cơ sở các văn bản mới cho phù hợp.</p> <p><b>7. Đối với các thủ tục “Thành lập tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp Nhà nước”; thủ tục “Tổ chức lại (chia tách, sáp nhập) tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp Nhà nước”; thủ tục “Giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp Nhà nước” - các tử tục số 1, 2, 3, Mục IV, phần II:</b></p> <p>- Đối với tổ chức sự nghiệp, nội dung của các thủ tục này được xây dựng trên cơ sở quy định của Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị nhà nước đã bị bãi bỏ tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>Do đó, cần sửa đổi, bổ sung và công bố lại các nội dung có liên quan đến việc thành lập các tổ chức sự nghiệp trên cơ sở Nghị định số 55/2012/NĐ-CP cho phù hợp.</p> <p>- <i>Tại điểm l - căn cứ pháp lý của TTHC:</i> Quy định căn cứ pháp lý là “các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc thành lập tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp” là quá chung chung, chưa cụ thể. Do đó, cần sửa đổi cho phù hợp.</p>
02	<p>Quyết định số 1292/QĐ-UBND 13/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p><b>1. Đối với thủ tục “đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng” - thủ tục số 3, phần B, mục II:</b></p> <p>- <i>Tại điểm c – Thành phần hồ sơ:</i> có quy định về “văn bản xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách; đóng góp xây dựng địa phương đối với tập thể và cá nhân là thủ trưởng thuộc đơn vị sản xuất kinh doanh” là không còn phù hợp với quy định tại khoản 16, Điều 53, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng ... được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ, vì theo quy định này thì “Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sỹ thi đua ... Tập thể lao động xuất sắc và các hình</p>

			<p>thức khen thưởng cấp nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, thì trong báo cáo thành tích <b>chỉ cần kê khai</b> rõ các nội dung sau:</p> <p>a) Số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;</p> <p>b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;</p> <p>c) Cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.</p> <p>Việc thẩm định mức độ hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước do <b>cấp tỉnh lấy ý kiến của cơ quan quản lý thuế</b> có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực đối với kết quả thẩm định, <b>chứ không còn hình thức làm thủ tục “xác nhận”</b> tại cơ quan tài chính như được công bố tại Quyết định này. Do đó, nội dung này cần được sửa đổi lại cho phù hợp.</p> <p><b>2. Đối với thủ tục “Xác nhận thành tích cho các tập thể và cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị trình ngành dọc cấp trên khen thưởng hoặc Hiệp y khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan từng ương đóng trên địa bàn tỉnh” - thủ tục số 4, phần B, mục II:</b></p> <p>- <i>Tại điểm c – Thành phần hồ sơ:</i> tương tự như thủ tục trên, quy định về “<b>văn bản xác nhận</b> việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách; đóng góp xây dựng địa phương đối với tập thể và cá nhân là thủ trưởng thuộc đơn vị sản xuất kinh doanh” là không còn phù hợp với quy định tại khoản 16, Điều 53, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng ... được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ. Do đó, nội dung này cần được sửa đổi lại cho phù hợp.</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh</b>			
01	Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Nhiều thủ tục có nội dung không còn phù hợp, như:</b></p> <p>- <b>Các thủ tục thuộc lĩnh vực khiếu nại tố cáo: Thủ tục tiếp dân; thủ tục xử lý đơn thư; thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu; thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai; thủ tục giải quyết tố cáo:</b></p> <p>Các thủ tục này được xây dựng dựa trên quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2004 và 2005; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ là không còn phù hợp, vì hiện nay, các Luật và Nghị định này đã được thay thế bởi Luật khiếu nại năm 2011; Luật tố cáo năm 2011;</p>

			<p>Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại và Nghị định 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo.</p> <p>Do đó, cần sửa đổi và công bố lại toàn bộ các thủ tục này trên cơ sở Luật khiếu nại năm 2011; Luật tố cáo năm 2011; Nghị định 75/2012/NĐ-CP cho phù hợp.</p>
02	<p>Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p>Ban hành văn bản mới thay thế</p>	<p><b>Nhiều thủ tục có nội dung không còn phù hợp, như:</b></p> <p>- Các Thủ tục “<b>Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác</b>”; “<b>Công bố đưa bến xe khách và bến xe hàng vào khai thác</b>”:</p> <p>Các thủ tục này được công bố trên cơ sở Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông vận tải về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. Tuy nhiên Thông tư này đã hết hiệu lực vì đã được bãi bỏ bằng Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p> <p>- Các thủ tục “<b>Cấp giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định</b>”; “<b>Cấp giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt</b>”; “<b>Cấp giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi</b>”; “<b>Cấp giấy phép kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô (doanh nghiệp, hợp tác xã)</b>”....:</p> <p>+ <i>Tại điểm c - Thành phần, số lượng hồ sơ:</i> quy định nộp “Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đỗ xe hoặc hợp đồng thuê đất đỗ xe”; “Danh sách xe kèm theo bản photo Giấy đăng ký xe (kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng cho thuê tài chính; hợp đồng thuê tài sản; cam kết kinh tế); bản sao chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe trong danh sách đăng ký” là không còn phù hợp, vì theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ, thì hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không bao gồm các giấy tờ nêu trên.</p> <p>+ <i>Tại điểm I – Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</i> có công bố mẫu theo quy định của Thông tư số 14/2010/TT-BGTVT ngày 24/6/2010 quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô là không còn phù hợp, vì Thông tư này đã</p>

			<p>được bãi bỏ bằng Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p> <p>+ <i>Tại điểm l – Căn cứ pháp lý:</i> có viện dẫn “Thông tư số 14/2010/TT-BGTVT” là không còn phù hợp vì Thông tư này đã hết hiệu lực thi hành.</p> <p>- <b>Đối với các thủ tục “Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu”; thủ tục “Cấp giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn (đối với xe máy chuyên dùng được tạm nhập, tái xuất thuộc các chương trình dự án của nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, các dự án ODA đầu tư tại Việt Nam) – thủ tục số 33, 34, mục I, Phần II:</b></p> <p>- <i>Tại điểm h – Lệ phí:</i> Quy định mức lệ phí “150.000 đồng/lần/phương tiện” là không còn phù hợp, vì theo quy định tại Điều 1, Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ, thì mức lệ phí là “200.000 đồng/lần/phương tiện”. v.v...</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>			
01	Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Nhiều thủ tục có nội dung không còn phù hợp:</b></p> <p><b>1. Đối với thủ tục “Cấp giấy chứng chỉ công nhận các loại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp”- thủ tục số 1, mục I, phần II:</b></p> <p>+ <i>Tại điểm c – Thành phần, số lượng hồ sơ:</i> có quy định về “Bảng tóm tắt kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử nguồn giống đăng ký; các hồ sơ liên quan về sở hữu, nguồn gốc ... của nguồn giống” là không phù hợp với quy định tại Điều 13, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ NN&amp;PTNT ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP, vì theo quy định này thì các loại giấy tờ trên không bắt buộc phải có trong thành phần hồ sơ (không được pháp luật quy định).</p>

		<p><b>2. Đối với thủ tục “Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp; nguồn gốc của lô cây con lâm nghiệp”- khoản 3, mục I, phần II:</b></p> <p>+ <i>Tại điểm c - Thành phần, số lượng hồ sơ và điểm I – Têm mẫu đơn: có công bố thực hiện theo</i> mẫu biểu 13 (Thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp) là không còn phù hợp, vì mẫu biểu này đã được thay thế bằng Phụ lục số 15 (Mẫu thông báo thu hoạch giống lâm nghiệp) tại khoản 10, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT.</p> <p>+ <i>Tại điểm d – Thời hạn giải quyết:</i> Đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con, việc công bố thời hạn thực hiện “là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ” là không còn phù hợp, vì theo quy định tại khoản 1, Điều 38 quyết định số 89/2005/QĐ-BNN được sửa đổi tại khoản 9, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT thì “thời hạn cấp là <b>10 ngày</b> làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả sản xuất cây con ở vườn ươm cây lâm nghiệp của chủ cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp.</p> <p><b>3. Đối với các thủ tục “Thẩm định và phê duyệt thiết kế khai thác lâm sản ngoài gỗ rừng tự nhiên”; thủ tục “Thẩm định và phê duyệt thiết kế khai thác gỗ rừng trồng bằng vốn ngân sách”; thủ tục “Thẩm định và phê duyệt thiết kế khai thác gỗ rừng tự nhiên”; thủ tục “Thẩm định, và phê duyệt thiết kế tận thu, tận dụng gỗ rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách Nhà nước”; v.v... - các thủ tục số 5, 6, 7, 8, mục I, phần II:</b></p> <p>Các TTHC này được công bố trên cơ sở Quyết định số 40/QĐ-BNN ngày 7/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế về khai thác gỗ và lâm sản khác. Tuy nhiên, hiện nay Quyết định này đã được thay thế bằng Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Do đó, cần sửa đổi và công bố lại cho phù hợp.</p> <p><b>4. Đối với thủ tục “Cấp sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản” - thủ tục số 2, mục II.</b></p> <p>Việc cấp Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo quy định của Quyết định số 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát</p>
--	--	---

			<p>triển nông thôn về kiểm tra kiểm soát lâm sản là không còn phù hợp, vì Quyết định này đã được thay thế bằng Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/1/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT thì Cơ quan kiểm lâm chỉ <b>kiểm tra, ký xác nhận</b> tại Sở theo dõi nhập, xuất lâm sản, chứ không còn “cấp sổ” như được công bố tại Quyết định này.</p> <p><b>5. Đối với thủ tục “Cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt” – thủ tục số 3, mục II:</b></p> <p>Thủ tục này được công bố trên cơ sở quy định Quyết định số 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm tra kiểm soát lâm sản là không còn phù hợp, vì hiện nay theo quy định của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT, thì thủ tục này không còn được thực hiện.</p> <p><b>6. Đối với thủ tục “Cấp chứng chỉ hành nghề thú y”, thủ tục “Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y” v.v... thủ tục số 1, 2, mục III.</b></p> <p>+ <i>Tại điểm h – Phí, Lệ phí:</i> mức thu “phí kiểm tra điều kiện cơ sở để cấp chứng chỉ hành nghề thú y: 250.000/lần; lệ phí cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y: 25.000/lần” theo quy định của Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20/1/2005 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y là không còn phù hợp, vì Quyết định này đã được thay thế bằng Thông tư số 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ, thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y (hiện nay, Thông tư số 136/2010/TT-BTC cũng đã được bãi bỏ tại Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 5/1/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y).</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính</b>			
01	Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban	Sửa đổi, bổ sung	<p><b>1. Đối với thủ tục “Báo cáo kết quả giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước” – thủ tục số 4, mục V, Danh mục B:</b></p> <p>Nội dung của thủ tục này chỉ đề cập đến việc báo cáo kết quả giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của cá doanh nghiệp nhà nước cho UBND tỉnh, không liên</p>

	hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thay thế; bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.		<p>quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC. Do đó việc công bố thủ tục này là không phù hợp.</p> <p><b>2. Đối với thủ tục “Thẩm định, trình phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa –thủ tục số 5, mục V, Danh mục B.</b></p> <p>TTHC này được công bố trên cơ sở Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100 % vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số vấn đề tài chính khi chuyển đổi doanh nghiệp 100 % vốn nhà nước thành công ty cổ phần là không phù hợp, vì các văn bản này đã được thay thế bằng Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100 % vốn nhà nước thành công ty cổ phần (hiện nay Nghị định này cũng đã được sửa đổi một số điều tại Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ) và Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100 % vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty phần.</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội</b>			
01	Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh & Xã hội tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Nhiều thủ tục có nội dung không phù hợp, như:</b></p> <p>- Thủ tục “Khai trình sử dụng lao động, tăng giảm lao động cho Doanh nghiệp”: “Việc khai trình sử dụng lao động, tăng giảm lao động” chỉ là việc báo cáo về việc sử dụng lao động của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật; chứ liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính theo yêu cầu của cá nhân tổ chức; không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát TTHC (Kết quả thực hiện là Sở Lao động-Thương binh và Xã hội lưu trữ Báo cáo này tại Sở, chứ không cung cấp dịch vụ cho cá nhân, tổ chức). Do đó việc công bố thủ tục này là không phù hợp.</p> <p>- Thủ tục “Đăng ký Nội quy lao động”: Thủ tục này được xây dựng trên cơ sở Bộ Luật Lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002. Tuy nhiên hiện nay Bộ Luật Lao động này đã hết hiệu</p>



		<p>lực vì đã được thay thế bằng Bộ Luật lao động năm 2012. Do đó, cần sửa đổi lại nội dung của thủ tục này và công bố lại cho phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động năm 2012.</p> <p><b>- Thủ tục “Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể”:</b> Việc “<b>Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể</b>” thực chất chỉ là việc gửi bản Thỏa ước đã được ký kết (giữa đại diện tập thể lao động với người sử dụng lao động hoặc đại diện người sử dụng lao động) đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động theo quy định của pháp luật lao động (Kết quả thực hiện là Sở Lao động-Thương binh và Xã hội lưu trữ bản Thỏa ước này tại Sở, chứ không cung cấp dịch vụ cho cá nhân, tổ chức); không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC. Do đó việc công bố thủ tục này là không phù hợp.</p> <p><b>- Đối với thủ tục “Xếp hạng công ty Nhà nước”:</b> - Tại điểm c - Thành phần, số lượng hồ sơ: có yêu cầu nộp “Báo cáo tài chính được lập theo quy định tại Quyết định số 167/2000/QĐ-BTC ngày 25/10/2000” là không còn phù hợp, vì Quyết định 167/2000/QĐ-BTC đã được thay thế bởi Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.</p> <p><b>- Đối với thủ tục “Đăng ký thiết bị, máy, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLD”:</b> Nội dung của các thủ tục này được công bố trên cơ sở Thông tư số 04/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2008 về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký và kiểm định các loại máy, thiết bị vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Tuy nhiên, Thông tư này đã bị bãi bỏ tại Thông tư số 32/2011/TT-BLĐTBXH ngày 14/11/2011 hướng dẫn thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Do đó, cần sửa đổi và công bố lại thủ tục này trên cơ sở Thông tư số 32/2011/TT-BLĐTBXH cho phù hợp.</p> <p><b>- Đối với các thủ tục “Xử lý đơn thư”; thủ tục “giải quyết Khiếu nại lần đầu”; thủ tục “Giải quyết khiếu nại lần 2”; thủ tục “Giải quyết tố cáo”:</b> Các thủ tục này được công bố trên cơ sở Luật Khiếu nại tố cáo ngày 02/12/1998;</p>
--	--	--

			<p>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 29/11/2005 và Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo là không còn phù hợp, vì hiện nay các văn bản nêu trên đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo. Do đó, cần sửa đổi để công bố lại toàn bộ các thủ tục này trên cơ sở các văn bản mới cho phù hợp.</p>
02	<p>Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p>Ban hành văn bản mới thay thế</p>	<p><b>I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội:</b>  <b>- Đối với thủ tục “Tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội”:</b>  <i>+ Về trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết:</i> TTHC này được công bố từ giai đoạn nộp hồ sơ tại <b>cấp xã</b> và thời hạn giải quyết 37 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ tại cấp xã là không phù hợp, vì TTHC này chỉ được công bố thực hiện <b>tại cấp tỉnh</b>. Trong trường hợp này hồ sơ cần nộp đã bao gồm các văn bản (giấy tờ) <b>đã được thực hiện xong</b> tại cấp xã, và cấp huyện, như: Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã, Văn bản đề nghị của Chủ tịch cấp huyện. Do đó, trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết chỉ nên công bố trong giai đoạn được thực hiện tại cấp tỉnh (thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch cấp huyện) cho phù hợp với quy định tại khoản 5, Điều 11, Thông tư số 17/2011/TT- BLĐTBXH ngày 19/5/2011 của BLĐTBXH quy định hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng và tiếp nhận người cao tuổi vào cơ sở bảo trợ xã hội (việc quy định thời hạn giải quyết <b>37</b> ngày bao gồm cả thời gian thực hiện tại cấp huyện và cấp xã là không phù hợp, vì trong trường hợp này các công đoạn ở cấp xã và cấp huyện đã được thực hiện xong; Quy định này dễ dẫn đến hiểu nhầm là TTHC này ở cấp tỉnh cũng thực hiện 37 ngày làm việc và dễ dẫn việc áp dụng thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật).  <i>+ Về thành phần hồ sơ:</i> Trong thành phần hồ sơ cần nộp, có quy định “Quyết</p>

		<p>định tiếp nhận của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đối với trường hợp tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý” là không phù hợp, vì TTHC này được thực hiện để đề nghị Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội cấp “Quyết định tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý”. Do đó ở giai đoạn đề nghị này trong hồ sơ cần nộp không thể có “Quyết định tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý” (Quyết định này là kết quả thực hiện TTHC, chứ không phải thành phần hồ sơ phải nộp).</p> <p>+ <i>Tại phần căn cứ pháp lý:</i></p> <p>Thủ tục hành chính này được công bố trên cơ sở Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP; Thông tư số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 18/8/2010 của liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP. Tuy nhiên hiện nay các Nghị định nêu trên đã hết hiệu lực vì được thay thế bằng Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; và những quy định về hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi tại Thông tư liên tịch số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC cũng đã hết hiệu lực vì đã được thay thế bằng Thông tư số 17/2011/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định hồ sơ, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng và tiếp nhận người cao tuổi vào cơ sở bảo trợ xã hội.</p> <p><b>II. Lĩnh vực Lao động – Việc làm:</b></p> <p>- Đối với thủ tục “Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài”; thủ tục “Gia hạn Giấy phép lao động cho người nước ngoài”; thủ tục “Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài”:</p> <p>- Nội dung của các thủ tục này được công bố trên cơ sở Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP. Tuy nhiên hiện nay, các Nghị định nêu trên đã hết hiệu lực vì</p>
--	--	---

			được thay thế bằng Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 05/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Do đó cần sửa đổi để công bố lại toàn bộ thủ tục này trên cơ sở Nghị định số 102/2013/NĐ-CP cho phù hợp.
03	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 21/5/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	Sửa đổi, bổ sung	<b>Đối với thủ tục “Bổ nhiệm, công nhận, bổ nhiệm lại, công nhận lại Hiệu trưởng trường trung cấp nghề và Giám đốc trung tâm dạy nghề”:</b> <i>Tại điểm c1 - Thành phần hồ sơ:</i> Đối với hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Hiệu trưởng trường trung cấp nghề; Giám đốc trung tâm dạy nghề công lập, có công bố “bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu 1 ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập” là không còn phù hợp, vì hiện nay, Nghị định này được thay thế bằng Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 về minh bạch tài sản, thu nhập. Do đó, cần sửa đổi lại nội dung công bố này cho phù hợp.
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường</b>			
01	Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.	Ban hành văn bản mới thay thế	Tại Quyết định này có công bố tất cả là 95 TTHC. Đến nay, trong số này có 80 TTHC đã hết hiệu lực vì đã được bãi bỏ hoặc sửa đổi toàn bộ (thay thế) tại các Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 23/3/2013 và Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND tỉnh. Trong số 15 TTHC còn lại có nhiều thủ tục có nội dung không còn phù hợp, như: Các TTHC trong lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo được xây dựng trên cơ sở Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 và Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ là không còn phù hợp, vì các văn bản này đã hết hiệu lực. Hiện nay, lĩnh vực khiếu nại, tố cáo đã được thực hiện theo Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2011 và các Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo. Do đó văn bản này cần được thay thế theo hướng hợp nhất cùng các văn bản khác có liên quan đến TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở TN&MT cho phù hợp và thống nhất.

02	<p>Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p><b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH</b>  <b>I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b>  - Đối với Thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp không thực hiện theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất - thủ tục số 1.  + Tại điểm c – Thành phần hồ sơ: trong thành phần hồ sơ có quy định nộp một số loại văn bản không cần thiết và không phù hợp với quy định của Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT, cụ thể như:  1. Văn bản của các sở, ngành có liên quan hoặc UBND cấp huyện đề nghị UBND tỉnh đồng ý chủ trương hoặc thỏa thuận vị trí: văn bản này do các cơ quan nhà nước thực hiện đề trình UBND tỉnh, nhưng lại yêu cầu nhà đầu tư cung cấp là không phù hợp.  2. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật: Theo quy định tại khoản 1, Điều 28, Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT, thì hồ sơ cần phải nộp không có loại văn bản này; hơn nữa việc yêu cầu thêm “Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường...” là không cần thiết, vì theo quy định tại khoản 2, Điều 15, khoản 2, Điều 19 và khoản 4, Điều 22, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, thì Báo cáo đánh giá tác động môi trường (BCĐGTĐMT) được lập đồng thời với “<b>quá trình lập dự án</b>” và đồng thời với “<b>báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án</b>”, và các dự án theo quy định phải được phê duyệt BCĐGTĐMT chỉ được phê duyệt, cấp phép đầu tư sau khi BCĐGTĐMT đã được phê duyệt.  Do đó, trong trường hợp này, trong hồ sơ yêu cầu của TTHC đã có nộp “Dự án đầu tư đã được xét duyệt và chấp thuận”, có nghĩa là có quyết định phê duyệt BCĐGTĐMT (vì nếu không có văn bản này thì dự án đầu tư sẽ không được xét duyệt và chấp thuận). Do đó, yêu cầu nộp thêm “Quyết định phê duyệt BCĐGTĐMT hoặc Giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường” là không cần thiết, tạo thêm nhiều phiền hà cho nhà đầu tư, và không đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính của Nhà nước ta hiện nay.  3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập đơn vị: Theo quy định tại khoản 1, Điều 28, Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT, thì hồ sơ cần phải nộp không có loại văn bản này. Hơn nữa việc yêu cầu nộp thêm loại giấy tờ</p>
----	---	-------------------------	--

			<p>này là không cần thiết vì giấy tờ này đã được yêu cầu nộp trước đó khi nhà đầu tư thực hiện thủ tục “chấp thuận đầu tư”, hoặc “giới thiệu địa điểm”, hoặc giai đoạn lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p><b>- Đối với Thủ tục giao đất, cho thuê đất gắn liền với giao rừng, cho thuê rừng lần đầu - thủ tục số 3:</b>  + <i>Tại điểm c – Thành phần hồ sơ:</i> có yêu cầu nộp một số loại giấy tờ không phù hợp, cụ thể như:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quy định về “Văn bản đề nghị của UBND cấp huyện” là không rõ ràng, không thể hiện rõ phải đề nghị về nội dung gì?</li> <li>2. Văn bản đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của Chi cục Kiểm lâm: Trong hồ sơ đã có Đơn đề nghị được giao đất, giao rừng hoặc thuê đất, thuê rừng của nhà đầu tư, do đó yêu cầu có thêm “Văn bản đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của Chi cục Kiểm lâm” là không cần thiết, không phù hợp.</li> </ol> <p>v.v...</p> <p><b>- Đối với Thủ tục thu hồi đất sau khi rà soát quy hoạch sử dụng đất của các Công ty lâm nghiệp - thủ tục số 5:</b>  Việc tham mưu trình UBND tỉnh thu hồi đất sau khi rà soát quy hoạch sử dụng đất của các Công ty lâm nghiệp chỉ là quan hệ hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà nước; không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC. Do đó việc công bố thủ tục này là không phù hợp.</p>
03	<p>Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 23/5/2013 về việc bổ thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p><b>Nhiều TTHC có nội dung không phù hợp, cụ thể như:</b></p> <p><b>- Đối với thủ tục số 1 - Thủ tục Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản</b>  + <i>Tại điểm c – Thành phần hồ sơ:</i> có quy định “số lượng hồ sơ: <b>02 bộ</b>” là không phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 29, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, vì theo quy định này thì số lượng hồ sơ cần nộp chỉ là “<b>01 bộ</b>”.</p> <p>+ <i>Tại điểm h – Lệ phí:</i> có quy định 4.000.000 đồng/giấy phép” là không đầy đủ và chưa phù hợp, vì theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 2, Thông tư số 129/2011/TT-BTC thì trường hợp “Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép”, nhưng nếu “Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; và Diện tích thăm</p>

			<p>dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép”.</p> <p><b>- Đối với thủ tục số 2 - Thủ tục Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản</b></p> <p>+ <i>Tại điểm c – Thành phần hồ sơ:</i> có quy định “số lượng hồ sơ: <b>02 bộ</b>” là không phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 29, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, vì theo quy định này thì số lượng hồ sơ cần nộp chỉ là “<b>01 bộ</b>”.</p> <p>+ <i>Tại điểm h – Lệ phí:</i> có quy định 2.000.000 đồng/giấy phép” là không đầy đủ và chưa phù hợp, vì theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 2, Thông tư số 129/2011/TT-BTC thì trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng, thừa kế thì người được gia hạn giấy phép, người được chuyển nhượng, thừa kế phải nộp lệ phí tính bằng <b>50%</b> mức lệ phí cấp lần đầu. Do đó, trong trường hợp “Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha có mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép” và “Diện tích thăm dò trên 50.000 ha có mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép”, thì mức lệ phí thu trong trường hợp gia hạn cũng sẽ tăng tương ứng.</p> <p><b>- Đối với thủ tục số 3 - Thủ tục Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản.</b></p> <p>+ <i>Tại điểm c – Thành phần hồ sơ:</i> có quy định “số lượng hồ sơ: <b>02 bộ</b>” là không phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 29, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, vì theo quy định này thì số lượng hồ sơ cần nộp chỉ là “<b>01 bộ</b>”.</p> <p>v.v...</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông</b>			
01	Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Nhiều TTHC có nội dung không còn phù hợp:</b></p> <p><b>1. Đối với các TTHC trong lĩnh vực Giải quyết Khiếu nại – Tố cáo, gồm: “Tiếp dân”, “Xử lý đơn thư”, “Giải quyết khiếu nại lần đầu”, “Giải quyết khiếu nại lần hai”, “Giải quyết tố cáo” – các thủ tục số 1, 2, 3, 4, 5, mục I:</b></p> <p>Các TTHC này được công bố trên cơ sở Luật khiếu nại, tố cáo ngày 2/12/1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật khiếu nại, tố cáo ngày 29/11/2005; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi,</p>

			<p>bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo là không còn phù hợp, vì hiện nay các văn bản này đã được thay thế bằng Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo năm 2011 và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật tố cáo.</p> <p><b>2. Đối với thủ tục “Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư nội tỉnh” và thủ tục “Xác nhận thông báo hoạt động kinh doanh dịch vụ chuyển phát” – các thủ tục số 1, 2, mục II:</b></p> <p>Hai thủ tục này được xây dựng dựa trên căn cứ Nghị định 128/2007/NĐ-CP ngày 02/8/2007 của Chính phủ về dịch vụ chuyên phát và Thông tư số 08/2008/TT-BTTTT ngày 23/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 128/2007/NĐ-CP ngày 02/8/2007 là không còn phù hợp, vì hiện nay các văn bản này đã hết hiệu lực thi hành (được thay thế bằng Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bru chính và được công bố hết hiệu lực tại Quyết định số 216/QĐ-BTTTT ngày 04/02/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về thông tin và truyền thông hết hiệu lực thi hành). Do đó, cần sửa đổi, bổ sung và công bố lại trên cơ sở Nghị định số 47/2011/NĐ-CP cho phù hợp.</p>
02	Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông.	Sửa đổi, bổ sung	<p><b>Đối với Thủ tục Cấp giấy phép thu chương trình truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (TVRO) – khoản 1, mục I, phần II.</b></p> <p>Thành phần hồ sơ của thủ tục này được công bố thực hiện trên cơ sở Quyết định số 79/2002/QĐ-TTg ngày 18/6/2002 của Chính phủ về quản lý việc thu chương trình nước ngoài là không còn phù hợp, vì Quyết định này đã được thay thế bằng Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24/03/2011 ban hành quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền. (hiện nay, Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg cũng đã được sửa đổi tại Quyết định số 18a/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ). Do đó cần sửa đổi và công bố lại thủ tục này theo các văn bản hiện hành cho phù hợp.</p>



<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Thi hành án dân sự tỉnh</b>			
01	Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản thay thế	<p><b>- Thủ tục “Sao Y biên lai”:</b>  <i>Tại điểm c – Thành phần, số lượng hồ sơ:</i> có quy định thành phần hồ sơ cần nộp là “<b>Nằm trong hồ sơ thi hành án</b>” là không rõ ràng, cụ thể. Nội dung này phải thể hiện loại giấy tờ (như: Đơn xin sao cấp,...) mà công dân, tổ chức cần nộp khi có yêu cầu cấp sao biên lai thu tiền thi hành án của đương sự. Do đó, việc công bố “<b>Nằm trong hồ sơ thi hành án</b>” là không rõ giấy tờ cần nộp, và không thuận tiện cho công dân, tổ chức có liên quan áp dụng thực hiện. Vì vậy, cần sửa đổi lại nội dung này cho phù hợp.</p>
02	Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Đối với các thủ tục “Buộc người phải thi hành không được thực hiện công việc”, thủ tục “Cưỡng chế buộc phải thực hiện công việc nhất định”, thủ tục “Cưỡng chế giao nhà”, thủ tục “Cưỡng chế giao quyền sử dụng đất”, thủ tục “Cưỡng chế giao vật, tài sản”...</b></p> <p><i>- Tại điểm h – Lệ phí và điểm l - Căn cứ pháp lý:</i> các thủ tục này công bố mức xử phạt vi phạm hành chính và cơ sở pháp lý theo quy định của Nghị định số 76/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp là không phù hợp, vì Nghị định số 76/2006/NĐ-CP đã được thay thế bằng Nghị định số 60/2009/NĐ-CP ngày 23/7/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp.</p> <p>Ngoài ra, tại phần “Lệ phí”: cần công bố mức lệ phí mà người có yêu cầu thi hành án <b>phải nộp khi yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính</b>, chứ không phải quy định mức xử phạt vi phạm hành chính đối với người không chấp hành án như được công bố tại Quyết định này. Do đó, cần phải sửa đổi lại các nội dung này cho phù hợp.</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>			
01	Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố TTHC lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Một số TTHC có nội dung không còn phù hợp, như:</b></p> <p><b>1. Cấp giấy phép hoạt động cơ sở môn trượt Patin - thủ tục số 7, , mục I.</b>  TTHC này được công bố trên cơ sở Quyết định số 1589/QĐ-UBTDTT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Câu lạc bộ Thể dục thể thao ở cơ sở. Tuy nhiên Quyết định đã hết hiệu vì đã được thay thế bằng Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 quy định mẫu về tổ chức và hoạt động</p>

		<p>của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở. Ngoài ra, hiện nay, hoạt động Patin được thực hiện trên cơ sở Thông tư số 16/2012/TT-BVHTTDL ngày 13/12/2012 quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh cũng đã công bố TTHC “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở tổ chức hoạt động Patin” tại Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 16/4/2013. Do đó cần rà soát lại đối với TTHC này để sửa đổi, bổ sung (nếu TTHC này còn áp dụng thực hiện) hoặc bãi bỏ cho phù hợp (nếu hiện nay không còn áp dụng thực hiện TTHC này).</p> <p><b>2. Thủ tục “Công nhận ban vận động thành lập hội (liên đoàn, hiệp hội) thể dục thể thao có phạm vi trong tỉnh” – thủ tục số 9, mục I.</b> TTHC này được công bố trên cơ sở “Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội” và “Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP”. Tuy nhiên các văn bản này đã được thay thế bằng “Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội” và “Thông tư số 11/2010/TT-BNV ngày 26/11/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP”. Do đó cần sửa đổi và công bố lại TTHC này cho phù hợp.</p> <p><b>3. Thủ tục Tuyển sinh năng khiếu – Thủ tục số 12, mục I.</b> TTHC này có nhiều nội dung chưa rõ ràng, không đáp ứng đủ các tiêu chí, bộ phận cấu thành TTHC theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2001 của Chính phủ về kiểm soát TTHC, như: - Tại điểm d- Thời hạn giải quyết: không ghi rõ thời hạn giải quyết là không rõ ràng và không phù hợp. - Tại điểm a - trình tự thực hiện: có ghi “cá nhân xin tuyển sinh năng khiếu chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định”. Tuy nhiên tại điểm c – hồ sơ thực hiện thì không thấy quy định về các loại hồ sơ mà thí sinh phải nộp, chỉ quy định về các loại hồ sơ được áp dụng đối với Trường năng khiếu TDTT (như: Kế hoạch tuyển sinh; thành lập ban Tổ chức tuyển sinh...). Bên cạnh đó, tại điểm I – kết quả thực hiện TTHC cũng không thể hiện rõ kết quả là không phù hợp.</p> <p><b>4. Cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên – thủ tục số 5, mục II.</b> <b>Tại điểm h - Lệ phí:</b> có quy định “Mức phí mới để thực hiện theo quy định của</p>
--	--	---

			<p>Luật Du lịch, Nghị định 92/2007/NĐ-CP, Thông tư số 89/2008/TT-BVHTTDL đến nay chưa được hướng dẫn” là không còn phù hợp, vì theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 1, Thông tư số 48/2010/TT-BTC ngày 12/4/2010 hướng dẫn chế độ, thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế, cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam, cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch, cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên, thì mức thu lệ phí “Cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận thuyết minh viên là 200.000 đồng/giấy” .</p> <p>v.v...</p>
02	<p>Quyết định số 3211/QĐ-UBND 15/12/2011 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p><b>Nhiều thủ tục có nội dung không còn phù hợp, như:</b></p> <p><b>1. Đối với thủ tục Đề nghị thẩm định phân mỹ thuật tượng đài, tranh hoành tráng.</b></p> <p>+ <i>Tại phần tên của TTHC:</i> Thủ tục này có tên gọi là “Đề nghị <b>thẩm định phân mỹ thuật</b> tượng đài, tranh hoành tráng” là không chính xác, vì theo quy định tại Điều 15, Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2000/QĐ-BVHTT ngày 29/3/2000 của của Bộ Văn hóa thông tin về việc ban hành Quy chế quản lý xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng, thì thủ tục này được thực hiện để “<b>thẩm định phân dự toán mỹ thuật</b> tượng đài, tranh hoành tráng”.</p> <p>+ <i>Tại điểm g – Kết quả thực hiện TTHC:</i> có quy định “Giấy phép” là không chính xác, vì thủ tục này được thực hiện để <b>đề nghị thẩm định</b>, chứ <b>không phải xin cấp phép</b>, do đó cần chỉnh sửa lại kết quả là “Kết quả thẩm định” cho phù hợp.</p> <p><b>2. Đối với các Thủ tục “Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm du lịch”; Thủ tục “Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống du lịch”:</b> Các thủ tục thiếu nội dung thể hiện về “cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC” là chưa đầy đủ.</p> <p><b>3. Các thủ tục “Mời tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang”; thủ tục “Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang”, “Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương”... - các thủ tục số 2, 3, 4, mục II.</b></p> <p>+ <i>Tại điểm h – Phí, lệ phí:</i> Các thủ tục này đều công bố “không thu lệ phí”. Tuy</p>

			<p>nhiên, theo quy định của Thông tư số 08/2004/TT-BTC ngày 09/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ, thu nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình biểu diễn nghệ thuật, thì chi “Không thu phí thẩm định đối với các chương trình, vở diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị do các cơ quan chức năng quản lý nghệ thuật cho phép”. Do đó, việc công bố “không thu phí” tại các TTHC này là không phù hợp.</p>
03	<p>Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>- <b>Đối với thủ tục số 1 – Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động vũ đạo giải trí.</b>  + <i>Tại điểm e – Cơ quan thực hiện TTHC:</i> có quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định là “Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch” là không phù hợp, vì theo quy định tại khoản 5, Điều 55, Luật Thể dục, Thể thao năm 2006 thì UBND cấp có thẩm quyền mới có quyền cấp giấy chứng nhận này. Đồng thời, tại khoản 3, mục III, Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP cũng quy định rõ “Sở Thể dục Thể thao <b>trình Ủy ban nhân dân tỉnh</b> quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao, bảo đảm thời gian quy định tại khoản 5, Điều 55 của Luật Thể dục, thể thao”.</p> <p>- <b>Đối với thủ tục số 2 – Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thể dục thẩm mỹ; Đối với thủ tục số 3 – Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Khiêu vũ thể thao; Đối với thủ tục số 4 – Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Billiards &amp; Snooker, ...</b>  + <i>Tại điểm e – Cơ quan thực hiện TTHC:</i> Tương tự như thủ tục trên, Thủ tục này quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định là “Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch” là không phù hợp, vì theo khoản 3, mục III, Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP thì “<b>Ủy ban nhân dân tỉnh</b> quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao”  v.v...</p>

04	Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 07/6/2012 về việc công bố thủ tục hành chính bãi bỏ, thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Sửa đổi, bổ sung	<p><b>I. LĨNH VỰC VĂN HÓA:</b></p> <p>- <b>Đối với thủ tục số 1 – Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật; thủ tục số 2 - Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật.</b></p> <p>+ <i>Tại điểm a – Trình tự thực hiện:</i> có quy định về “cá nhân xin cấp giấy chứng nhận...” là không phù hợp, vì đối tượng thực hiện TTHC này phải là “Tổ chức”</p> <p>+ <i>Tại điểm l – Căn cứ pháp lý:</i> có viện dẫn căn cứ “Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Di sản văn hóa” là không phù hợp, vì Nghị định này đã được thay thế bằng Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p><b>II. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH</b></p> <p>- <b>Đối với thủ tục số 5 – Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc và thẻ nhân viên tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</b></p> <p>+ <b>Tại điểm c – Thành phần hồ sơ:</b> có quy định “số lượng hồ sơ phải nộp: 02 bộ” là không đảm bảo cơ sở pháp lý và không cần thiết.</p> <p>- <b>Đối với thủ tục số 8 – Thủ tục hoàn trả giá trị tài sản bị thiệt hại trong công tác phong, chống bạo lực gia đình.</b></p> <p>Pháp luật không quy định về thủ tục hoàn trả này. Hơn nữa, thủ tục này không đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Do đó, cần bãi bỏ thủ tục này cho phù hợp.</p>
05	Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.	Sửa đổi, bổ sung	<p><b>A. TTHC MỚI BAN HÀNH</b></p> <p><b>1. Đối với – Thủ tục giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình - Thủ tục số 1, mục II</b></p> <p>Việc giải thể này là quyết định pháp lý đơn phương của cơ quan nhà nước khi “<i>cơ quan, tổ chức, cá nhân đã thành lập cơ sở đề nghị</i>”, hoặc “<i>Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn</i>”, hoặc “<i>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền</i>”.</p> <p>(Trình tự, thủ tục của thủ tục này được xây dựng không phù hợp, vì không thể hiện các bước công việc mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu phải thực hiện.</p>

			<p>“Thời hạn giải quyết” được quy định tại thủ tục này chỉ là thời hạn mà cơ sở bị giải thể phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, chứ không phải là thời hạn giải quyết TTHC theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức có liên quan).</p> <p>Vì vậy, việc giải thể tại thủ tục này không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC. Do đó việc công bố thủ tục này là không phù hợp.</p> <p><b>2. Đối với Thu hồi thẻ nhân viên chăm sóc và thẻ nhân viên tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình - Thủ tục số 2, mục II.</b></p> <p>Tương tự như thủ tục số 1 trên đây, việc thu hồi thẻ là quyết định pháp lý đơn phương của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC. Do đó việc công bố thủ tục này là không phù hợp.</p> <p><b>B. TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG.</b></p> <p><b>1. Đối với Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh Karaoke - thủ tục số 1.</b></p> <p>- <i>Tại điểm e – Cơ quan thực hiện TTHC:</i> không có quy định về “cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC” là không đầy đủ.</p> <p>- <i>Tại điểm h –Lệ phí:</i> có quy định về mức thu lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vũ trường là không phù hợp, vì TTHC này chỉ áp dụng đối với trường hợp “cấp giấy phép kinh doanh Karaoke”.</p> <p><b>2. Đối với Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh Vũ trường - thủ tục số 2:</b></p> <p>- <i>Tại điểm e – Cơ quan thực hiện TTHC:</i> không có quy định về “cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC” là không đầy đủ.</p> <p>- <i>Tại điểm h –Lệ phí:</i> có quy định về mức thu lệ phí cấp giấy phép kinh doanh Karaoke là không phù hợp, vì TTHC này chỉ áp dụng đối với trường hợp “cấp giấy phép kinh doanh Vũ trường”.</p>
--	--	--	---

<p style="text-align: center;">06</p>	<p>Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Nhiều TTHC được công bố tại Quyết định này có nội dung không phù hợp, cụ thể như:</p> <p><b>I. Lĩnh vực Văn hóa:</b></p> <p>- <b>Đối với thủ tục số 2 - Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm:</b></p> <p>+ <i>Tại điểm k - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</i> TTHC này có quy định yêu cầu điều kiện là "Địa điểm triển lãm có diện tích trung bày từ 20m<sup>2</sup> trở lên, có đầy đủ hệ thống ánh sáng...; Chủ địa điểm chỉ được nhận trưng bày những tác phẩm có trong danh sách đã được cấp giấy phép..." là không phù hợp, vì các yêu cầu, điều kiện này chỉ được áp dụng đối với thủ tục "Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh" trong nước, còn đối với thủ tục "cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm" thì pháp luật không có quy định về yêu cầu, điều kiện như quy định này.</p> <p>- <b>Đối với thủ tục số 3 – Thủ tục đăng ký tổ chức thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh.</b></p> <p>Tại phần đầu có quy định thủ tục này được áp dụng “đối với hoạt động đưa ảnh từ địa phương đi triển lãm, thi liên hoan tại nước ngoài, không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam do các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện” là không phù hợp, vì thủ tục này được quy định để áp dụng đối với trường hợp “đăng ký tổ chức thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam”, chứ không phải “đưa ảnh từ địa phương đi triển lãm tại nước ngoài” như được quy định trên đây.</p> <p>- <b>Đối với thủ tục số 5 – Thủ tục gửi tài liệu, hiện vật và nhận gửi tài liệu hiện vật:</b></p> <p>+ <i>Tại điểm d:</i> Có quy định “Ký hợp đồng nhận gửi tài liệu, hiện vật theo <b>mẫu số 4</b> ban hành kèm theo Thông tư này”. Tuy nhiên, mẫu này không được đính kèm là không đầy đủ.</p> <p>+ <i>Tại điểm h – Phí, lệ phí:</i> tại điểm này có quy định không thu phí, lệ phí; tuy nhiên theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 20/2012/TT-BVHTTDL thì “Chi phí cho việc gửi, nhận gửi tài liệu, hiện vật do Bên gửi và Bên nhận gửi thỏa thuận và được ghi rõ trong Hợp đồng gửi, nhận gửi tài liệu, hiện vật, theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này”. Các bên được khuyến khích thỏa thuận trong trường hợp không thu các chi phí có liên quan nhưng phải được ghi rõ</p>
---------------------------------------	--	-------------------------	--

		<p>trong hợp đồng. Do đó, cần sửa lại quy định tại điểm h này cho phù hợp theo hướng “Chi phí gửi do các bên thỏa thuận được ghi rõ trong Hợp đồng” cho phù hợp.</p> <p><b>I. Lĩnh vực thể thao:</b></p> <p><b>- Đối với thủ tục số 1 – Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở tổ chức hoạt động bóng bàn.</b></p> <p>+ <i>Tại điểm e – Cơ quan thực hiện TTHC:</i> có quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định là “Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch” là không phù hợp, vì theo quy định tại khoản 5, Điều 55, Luật Thể dục, Thể thao năm 2006 thì UBND cấp có thẩm quyền mới có quyền cấp giấy chứng nhận này. Đồng thời, tại khoản 3, mục III, Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP cũng quy định rõ “Sở Thể dục Thể thao <b>trình Ủy ban nhân dân tỉnh</b> quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao, bảo đảm thời gian quy định tại khoản 5 Điều 55 của Luật thể dục, thể thao”.</p> <p><b>- Đối với thủ tục số 2 – Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở tổ chức hoạt động Cầu lông; thủ tục số 3 – Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở tổ chức hoạt động Ju Do; thủ tục số 4 – Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng; thủ tục số 5 – Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở tổ chức hoạt động Patin; thủ tục số 6 – Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở tổ chức hoạt động Bóng đá:</b></p> <p>+ <i>Tại điểm e – Cơ quan thực hiện TTHC:</i> Tương tự như đối với thủ tục “<b>cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ sở tổ chức hoạt động bóng bàn</b>”, quy định cơ quan có thẩm quyền quyết định là “Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch” là không phù hợp, vì theo quy định tại khoản 5, Điều 55, Luật Thể dục, Thể thao năm 2006 thì UBND cấp có thẩm quyền mới có quyền cấp giấy chứng nhận này. Đồng thời, tại khoản 3, mục III, Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP cũng quy định rõ “Sở Thể dục Thể thao <b>trình Ủy ban nhân dân tỉnh</b> quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt</p>
--	--	---



			động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao, bảo đảm thời gian quy định tại khoản 5 Điều 55 của Luật Thể dục, thể thao”.
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng</b>			
01	Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Nhiều thủ tục còn hiệu lực có nội dung không còn phù hợp:</b></p> <p><b>Đối với thủ tục “Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng” – thủ tục số 34, mục III, phần II.</b></p> <p>+ <i>Điểm d – Thời hạn giải quyết:</i> Thời hạn giải quyết của TTHC này được công bố là “Tối đa 30 ngày làm việc” là không còn phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 32, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, vì theo quy định này thì “thời gian thẩm định đồ án <b>không quá 25 ngày</b>”.</p> <p>Hơn nữa, tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh cũng có công bố mới thủ tục “Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng”. Do đó, cần bãi bỏ thủ tục “Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng” tại Quyết định số 2191/QĐ-UBND của UBND tỉnh cho phù hợp.</p> <p><b>2. Lĩnh vực phát triển đô thị.</b></p> <p>- <b>Đối với thủ tục “Thẩm định dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới thuộc mọi nguồn vốn có qui mô sử dụng đất 200 ha trở lên” và thủ tục “Thẩm định dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới thuộc mọi nguồn vốn có qui mô sử dụng đất dưới 200” – thủ tục số 43, 44, mục IV, phần II.</b></p> <p>+ <i>Điểm c – Thành phần, số lượng hồ sơ:</i> Thành phần, số lượng hồ sơ TTHC này được công bố trên cơ sở Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05/01/2006 của Chính phủ về việc ban hành quy chế khu đô thị mới và Thông tư số 04/2006/TT-BXD ngày 18/8/2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện quy chế khu đô thị mới ban hành kèm theo Nghị định số 02/2006/NĐ-CP là không còn phù hợp, vì hiện nay 2 văn bản trên đã được thay thế bởi Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và Thông tư số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP.</p>

			<p>+ <i>Điểm h – Lệ phí</i>: Lệ phí tại TTHC này được công bố thực hiện trên cơ sở “Thông tư số 109/2000/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và sử dụng lệ phí thẩm định đầu tư” là không phù hợp, vì hiện nay Thông tư này đã được thay thế bởi “Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 6/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng”.</p> <p><b>3. Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật.</b></p> <p>- <b>Đối với thủ tục “Cấp giấy phép xây dựng công trình ngầm đô thị” – thủ tục số 46, mục V, phần II.</b></p> <p>+ <i>Điểm c, d, I, l– Thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết, căn cứ pháp lý</i>: được công bố trên cơ sở “Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Quyết định số 34/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quy trình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh” là không còn phù hợp, vì hiện nay, các văn bản này đã được thay thế bằng Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 4/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng và Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 29/3/2010 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thẩm quyền và quy trình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.</p> <p>v.v...</p>
02	Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 về việc công bố thủ tục hành chính được điều chỉnh, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Thủ tục “Thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí khảo sát địa hình và chi phí lập đồ án quy hoạch xây dựng (gồm quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng) – thủ tục số 6, mục II:</b></p> <p>+ <i>Tại điểm h – Phí, lệ phí</i>: Phí, lệ phí tại TTHC này được công bố thực hiện trên cơ sở “Thông tư số 17/2010/TT-BXD ngày 30/9/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị là không phù hợp”, vì hiện nay Thông tư này đã được thay thế bởi “Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 8/2/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị”.</p>

03	<p>Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p><b>I. Đối với TTHC mới ban hành.</b></p> <p><b>1. Đối với thủ tục “Tiếp nhận công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng”:</b></p> <p>- <i>Tại điểm c – Thành phần hồ sơ và điểm i – Tên mẫu đơn, tờ khai:</i> có quy định về “Bản công bố hợp quy; Quy trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo mẫu ban hành theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ” là không còn phù hợp, vì Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN đã được thay thế bằng Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p><b>2. Đối với thủ tục “Thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí lập đồ án quy hoạch Nghĩa trang và cơ sở xử lý chất thải rắn” – thủ tục số 1, mục III</b></p> <p>- <i>Tại Điểm h – Phí, lệ phí:</i> Phí, lệ phí tại TTHC này được công bố thực hiện theo “Thông tư số 17/2010/TT-BXD ngày 30/9/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị” là không còn phù hợp, vì hiện nay, Thông tư này đã được thay thế bằng Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 8/2/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.</p> <p><b>3. Thủ tục “Ý kiến về thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm B, C lĩnh vực : Dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các công trình khác bằng các nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước” và thủ tục “Ý kiến về điều chỉnh thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm B, C lĩnh vực: Dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các công trình khác bằng các nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước”:</b></p> <p><i>Tại điểm h – Lệ phí:</i> có quy định lệ phí “thực hiện theo Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư” là không rõ ràng, cụ</p>
----	--	-------------------------	--

			<p>thê, gây khó cho việc áp dụng thực hiện.</p> <p>Hơn nữa, tại điểm b, khoản 4, Điều 2, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, thì “Các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở <b>không thu phí hoặc lệ phí</b>”. Do đó, việc công bố thu phí như được nêu trên là không phù hợp.</p> <p>Ngoài ra, việc “tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở của các dự án đầu tư” chưa được pháp luật quy định đầy đủ về các nội dung như: thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết... nên chưa đáp ứng đủ các yếu tố cấu thành thủ tục hành chính - thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, chưa có đầy đủ cơ sở để công bố đối với các thủ tục này.</p> <p>v.v...</p>
<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế</b>			
01	Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.	Ban hành văn bản mới thay thế	<p><b>Nhiều thủ tục có nội dung không còn phù hợp:</b></p> <p><b>1. Lĩnh vực khám, chữa bệnh.</b></p> <p>- Thủ tục “<b>Giám định hưu trí</b>”, thủ tục “<b>Giám định tai nạn lao động</b>” – thủ tục số 8, 9, mục I.</p> <p>+ Trình tự, thủ tục của hai TTHC này được công bố trên cơ sở Thông tư số 18/2000/TT-BYT ngày 17/10/2000 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn về hồ sơ quy định giám định y khoa cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội là không còn phù hợp, vì Thông tư 18/2000/TT-BYT đã được thay thế bằng Thông tư 07/2010/TT-BYT ngày 5/4/2010 của Bộ Y tế hướng dẫn việc giám định suy giảm khả năng lao động của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.</p> <p>- <b>Đối với thủ tục “Giám định thương binh” – thủ tục số 11, mục I.</b></p> <p>Nội dung TTHC này được công bố trên cơ sở Thông tư liên tịch 16/1998/TTLT-BLĐTBXH-BQP-BCA ngày 25/11/1998 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về việc việc dẫn một số điểm về việc công nhận và giải quyết quyền lợi đối với liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, người</p>

		<p>hướng chính sách như thương binh, bệnh binh là không còn phù hợp, vì Thông tư liên tịch 16/1998/TTLT-BLĐTĐBXH-BQP-BCA đã được công bố hết hiệu lực tại Quyết định 11/2006/QĐ-BLĐTĐBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành đến hết ngày 31/12/2005 đã hết hiệu lực pháp luật.</p> <p><b>- Thủ tục “Giám định chất độc hóa học” – thủ tục số 12, mục I.</b></p> <p>+ <i>Tại điểm I – Tên mẫu đơn, tờ khai và điểm h – Căn cứ pháp lý:</i> có viện dẫn thực hiện theo “Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26/5/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng” là không còn phù hợp, vì Nghị định này đã được bãi bỏ tại “Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định tiết, hướng dẫn thi hành một số Điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng”.</p> <p><b>2. Các thủ tục trong Lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo.</b></p> <p><b>- Thủ tục “Tiếp dân”, thủ tục “Xử lý đơn thư”, thủ tục “Giải quyết khiếu nại lần đầu”, thủ tục “Giải quyết khiếu nại lần hai”, thủ tục “Giải quyết tố cáo” – các thủ tục số 1, 2, 3, 4, 5, mục VI.</b></p> <p>Các TTHC này được công bố trên cơ sở Luật khiếu nại, tố cáo ngày 2/12/1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật khiếu nại, tố cáo ngày 29/11/2005; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo là không còn phù hợp, vì các văn bản này đã được thay thế bằng Luật Khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo năm 2011 và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Tố cáo.</p> <p>v.v...</p>
--	--	---

02	<p>Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>	<p><b>I. Lĩnh vực Dược, mỹ phẩm.</b></p> <p><b>- Đối với TTHC “Cấp chứng chỉ hành nghề dược đối với công dân Việt Nam – thủ tục số 1, mục II:</b></p> <p>+ <i>Tại điểm c - thành phần hồ sơ:</i> có quy định về “Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn nơi người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề cư trú hoặc của Thủ trưởng cơ quan nơi người đó đang công tác nếu là cán bộ, công chức” và “Bản cam kết thực hiện quy định của các văn bản QPPL về dược có liên quan” là không còn phù hợp với quy định tại Điều 16, Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, Điều 1, Nghị định số 89/2012/NĐ-CP ngày 24/10/2012 của Chính phủ, vì theo quy định này thì các văn bản nêu trên không được pháp luật quy định.</p> <p>+ <i>Tại điểm h – lệ phí:</i> có quy định lệ phí “300.000 đồng được quy định theo Quyết định số 59/2008/QĐ-BTC ngày 21/7/2008 của Bộ Tài chính” là không còn phù hợp, vì Quyết định số 59/2008/QĐ-BTC đã được bãi bỏ bằng Thông tư số 03/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định phí thẩm định kinh doanh thương mại có điều kiện; thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề y, dược; lệ phí cấp giấy phép xuất, nhập khẩu trang thiết bị y tế, dược phẩm; cấp chứng chỉ hành nghề y; cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám, chữa bệnh. Theo đó, mức thu theo quy định mới trong trường hợp này là “500.000 đồng”.</p> <p><b>- Đối với các thủ tục “Cấp chứng chỉ hành nghề dược đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài”; thủ tục “Đổi chứng chỉ hành nghề dược do hư hỏng, rách nát; thay đổi địa chỉ thường trú của cá nhân đăng ký hành nghề dược”; v.v... - thủ tục số 2, 3, mục II:</b></p> <p>+ <i>Tại điểm h – lệ phí:</i> có quy định lệ phí “300.000 đồng được quy định theo Quyết định số 59/2008/QĐ-BTC ngày 21/7/2008 của Bộ Tài chính” là không còn phù hợp, vì Quyết định số 59/2008/QĐ-BTC đã được bãi bỏ bằng Thông tư số 03/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định phí thẩm định kinh doanh thương mại có điều kiện; thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề y, dược; lệ phí cấp giấy phép xuất, nhập khẩu trang thiết bị y tế, dược phẩm; cấp</p>
----	---	-------------------------	--

		<p>chứng chỉ hành nghề y; cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám, chữa bệnh.</p> <p><b>II. Lĩnh vực dược, mỹ phẩm.</b></p> <p><b>- Đối với thủ tục “Cấp thẻ người giới thiệu thuốc”</b></p> <p>+ <i>Tại điểm c – Thành phần hồ sơ và điểm I – Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</i> có công bố thực hiện mẫu 1a-QC được ban hành kèm theo “Thông tư số 13/2009/TT-BYT ngày 01/9/2009 của Bộ Y tế” là không còn phù hợp, vì mẫu này đã được sửa đổi tại Thông tư số 45/2011/TT-BYT ngày 21/12/2011 của Bộ Y tế.</p>
<p><b>Tổng số: 48 văn bản</b></p>		